



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023

GLT năm 2023 **03**

- Tầm nhìn, sứ mệnh, và giá trị cốt lõi 04
 - Tình hình tài chính nổi bật 2023 05
 - Hoạt động tài chính 2019-2023 07
-

Tổng quan về GLT **8**

- Thông tin chung 9
 - Lịch sử hình thành và phát triển 10
 - Ngành nghề kinh doanh 11
 - Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý 12
 - Thông tin vốn cổ phần và cổ đông 13
-

Phân tích hoạt động kinh doanh **14**

- Đánh giá BGD về kết quả kinh doanh 2023 15
 - Đánh giá của HĐQT về hoạt động của BGD công ty 18
 - Kế hoạch và định hướng của HĐQT 19
-

Báo cáo quản trị **22**

- Mô hình quản trị và vai trò của các bên 23
 - Quản trị công ty năm 2023 24
 - Tổ chức và nhân sự 37
 - Quản trị rủi ro 38
-

Báo cáo phát triển bền vững **40**

Báo cáo tài chính **42**

01

**GLT
NĂM 2023**



Tầm Nhìn

Trở thành Tập đoàn hàng đầu tại Việt Nam, nơi cung cấp và kết nối các cơ hội sáng tạo trong việc tiên phong ứng dụng thành công tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ vào cuộc sống.



Sứ Mệnh

Chúng tôi tự hào đóng góp vào sự thành công của khách hàng thông qua việc cung cấp các sản phẩm kỹ thuật cao, các giải pháp tích hợp công nghệ mới và dịch vụ xuất sắc.

Giá Trị Cốt Lõi

01 | Hoài Bão

Chúng tôi luôn khát vọng làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn thông qua việc triển khai áp dụng những công nghệ mới.

02 | Đổi Mới

Chúng tôi luôn nỗ lực, bền bỉ, không ngại nghỉ trong việc học hỏi, đổi mới, sáng tạo và tiên phong trong mọi hoạt động.

03 | Chuyên Nghiệp

Chúng tôi luôn hoàn thành công việc một cách chuyên nghiệp, đúng cam kết và với tinh thần trách nhiệm cao.

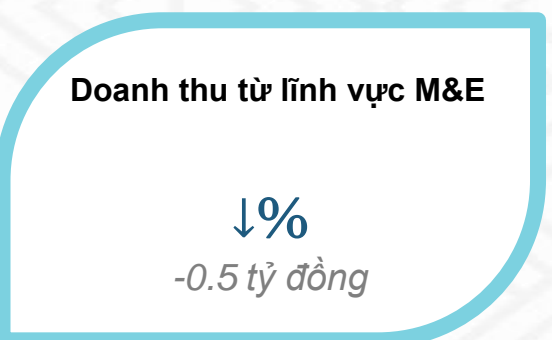
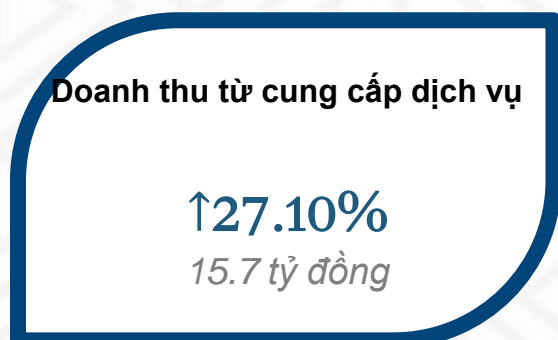
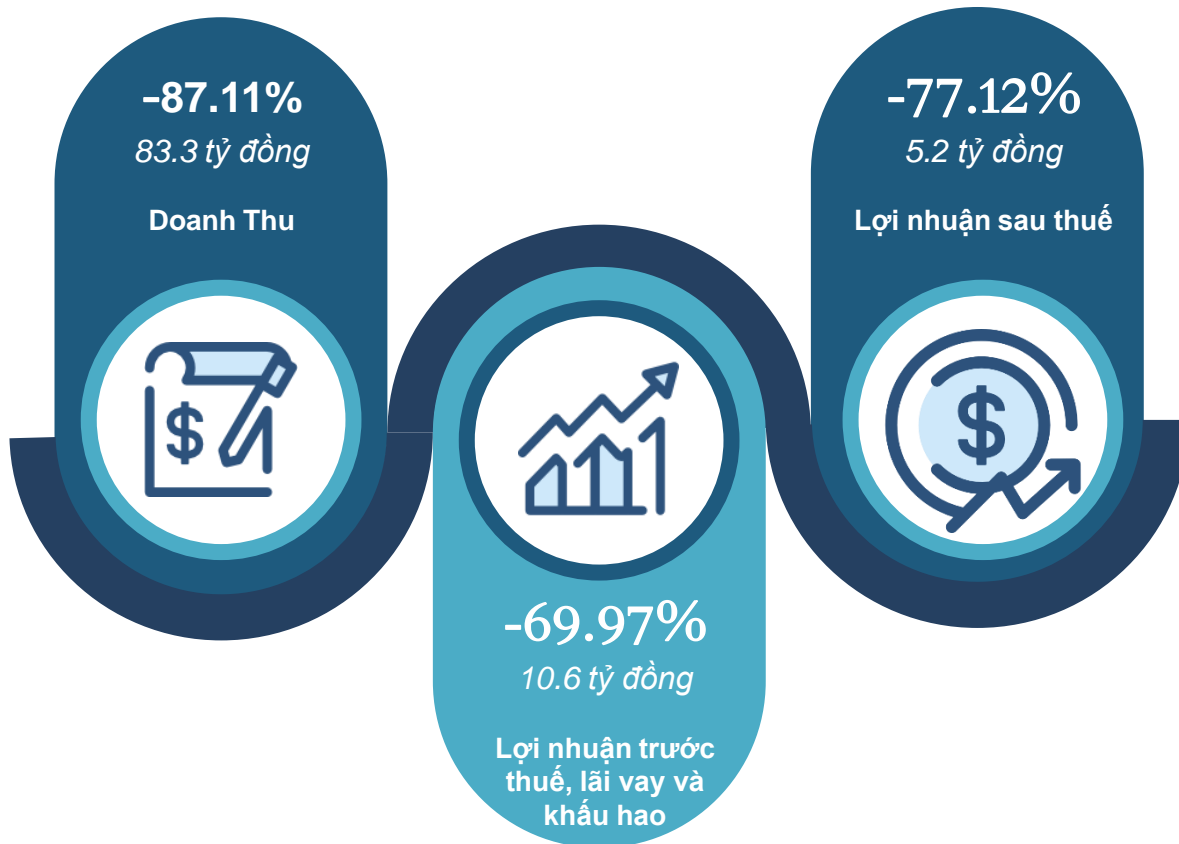
04 | Thành Tích

Chúng tôi luôn gắn liền sự phát triển của công ty với những thành tích làm thỏa mãn khách hàng, đối tác, cổ đông và mang lại thành đạt cho mỗi thành viên tập đoàn.

05 | Đồng Đội

Chúng tôi luôn tin tưởng, tôn trọng và phối hợp với đồng nghiệp, qua đó bổ sung kiến thức kỹ năng cho nhau, giúp nhau hoàn thành nhiệm vụ và cùng phát triển nghề nghiệp.

Tình hình tài chính (hợp nhất) nổi bật 2023



Các chỉ tiêu hoạt động cơ bản

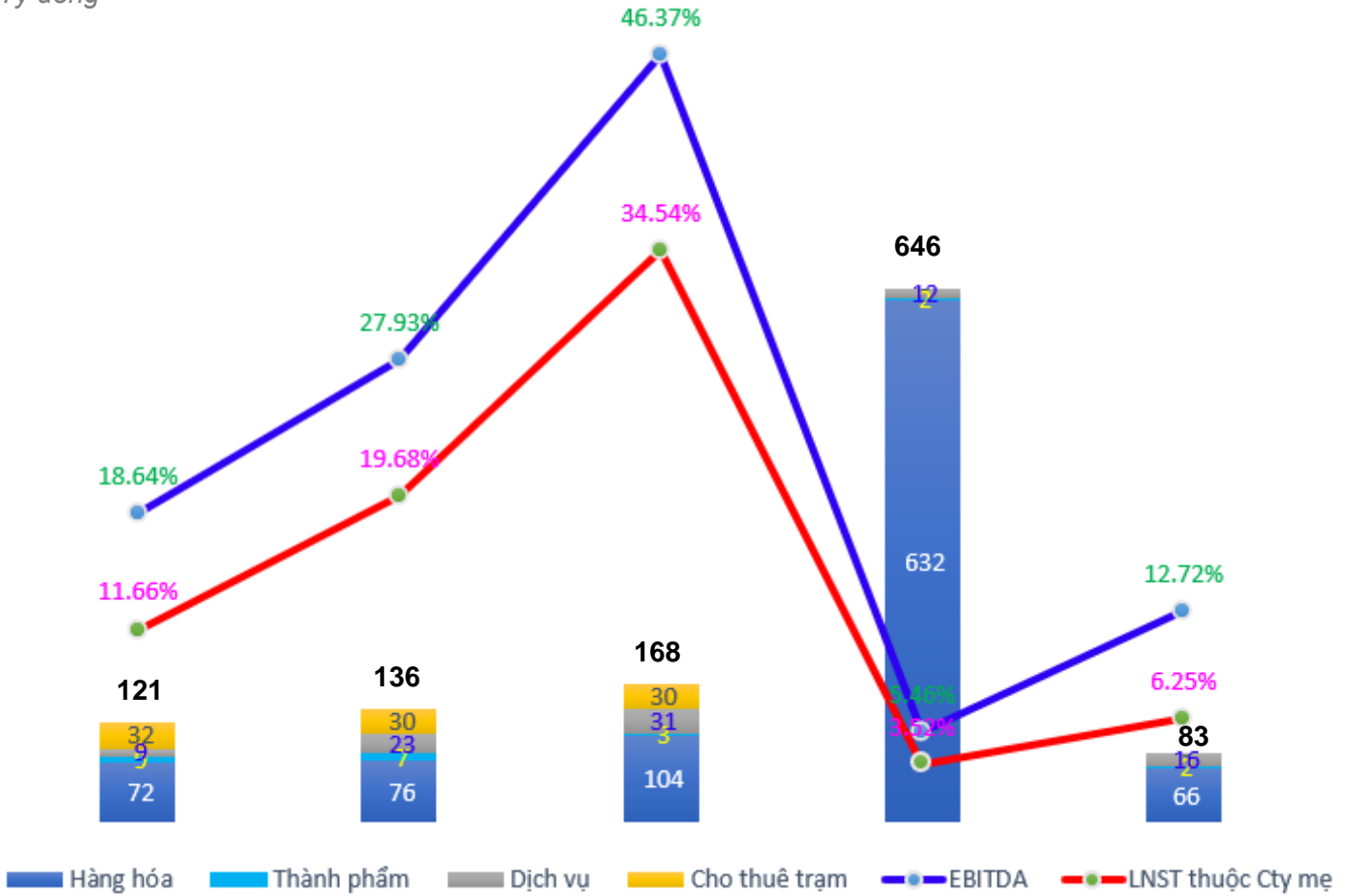
Đơn vị: Triệu đồng

	2022	2023	% tăng/giảm
Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh			
Doanh thu	645,680	83,252	-87.11%
Giá vốn	586,986	50,136	-91.46%
Lợi nhuận gộp	58,694	33,115	-43.58%
Lợi nhuận hoạt động kinh doanh	33,196	7,642	-76.98%
Lợi nhuận trước thuế, lãi vay và khấu hao	35,277	10,592	-69.97%
Lợi nhuận sau thuế	25,781	6,188	-76.00%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2,465	554	-77.53%
Bảng Cân Đối Kế Toán			
Tài sản ngắn hạn	244,218	160,724	-34.19%
Tài sản dài hạn	23,165	24,835	7.21%
Tổng tài sản	267,383	185,560	-30.60%
Nợ ngắn hạn	116,135	31,361	-73.00%
Nợ dài hạn	2,998	426	-85.80%
Tổng Nợ	119,133	31,786	-73.32%
Vốn chủ sở hữu	148,250	153,773	3.73%
Báo Cáo Lưu Chuyển Tiền Tệ			
Dòng tiền hoạt động kinh doanh	60,441	28,201	-53.34%
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	-16,491	-7,991	-51.54%
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	-56,468	-7,053	-87.51%
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	2.10	5.13	143.71%
Hệ số thanh toán nhanh	2.01	4.51	125.01%
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/tổng tài sản	45%	17%	-61.55%
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	80%	21%	-74.28%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	31.39	3.28	-89.56%
Doanh thu thuần/ tổng tài sản	241%	45%	-81.42%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	4%	7%	86.15%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	17%	4%	-76.86%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	10%	3%	-65.42%
Hệ số Lợi nhuận hoạt động kinh doanh/Doanh thu	5%	9%	78.55%

Kết quả hoạt động tài chính 2019-2023

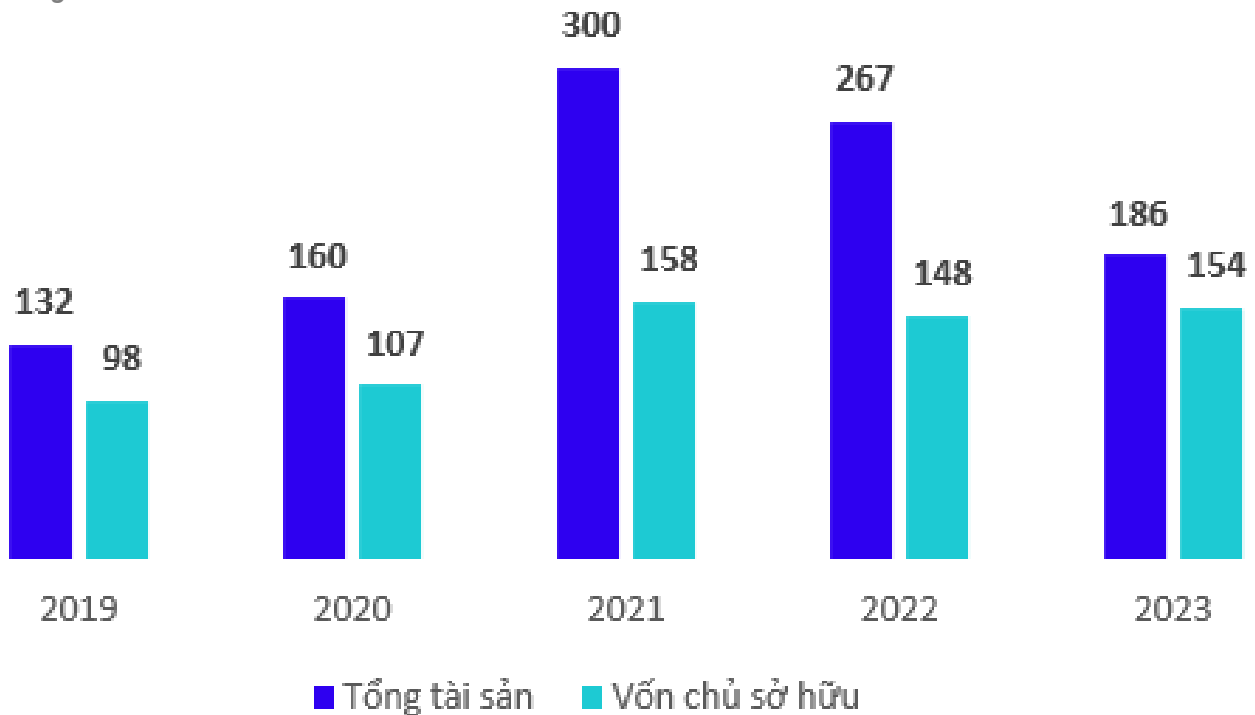
Doanh thu hợp nhất theo nhóm sản phẩm

Tỷ đồng



Tổng tài sản và vốn chủ sở hữu

Tỷ đồng



02

TỔNG QUAN VỀ GLT

TỔNG QUAN VỀ GLT

Thông tin chung

Tên công ty:	Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu
Tên giao dịch:	Global Electrical Technology Corporation (viết tắt: GLT)
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:	0301446863 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 28/12/2005
Vốn Điều lệ:	104,560,920,000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	104,560,920,000 đồng
Địa chỉ:	Số 1 Đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM
Số điện thoại:	(028) 3770 1055
Số fax:	(028) 3770 1056
Website:	www.toancau.vn
Mã cổ phiếu:	GLT



TỔNG QUAN VỀ GLT

Lịch sử hình thành và phát triển

1996

Công ty TNHH Thương Mại Toàn Cầu A (**GLT**) được thành lập từ sự kết hợp giữa CATIC và hai đối tác Úc và Singapore trong việc kinh doanh giải pháp chống sét toàn diện và thiết bị điện của công ty Global Lightning Technologies Pty Ltd (Úc).

2005

Từ tháng 12/2005 đổi tên thành Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu

2007

Thành lập

- Công ty TNHH Global - Sitem (GSC)
- Công ty TNHH Đầu Tư Hạ Tầng Toàn Cầu (GII)

2009

- Đầu tư mua 99.8% vốn của công ty CP IN NO, qua đó công ty sở hữu lô đất rộng 5,000m2 trong khu chế xuất Tân Thuận
- GLT được niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội (HNX).

2012

Bán toàn bộ vốn góp tại Công ty TNHH Đầu Tư Hạ Tầng Toàn Cầu (GII) cho đối tác Vinacapital.

2015

Thành lập

Công ty TNHH MTV Hạ Tầng Kỹ Thuật Toàn Cầu (GTI).

2021

- Bán lô đất rộng 5,000m2 trong khu chế xuất Tân Thuận của Công ty cổ phần INNO.
- Trúng thầu dự án VNG trị giá 650 tỷ.
- Bán toàn bộ vốn góp tại Công ty TNHH MTV Hạ Tầng Kỹ Thuật Toàn Cầu.

2022

Nghiệm thu hoàn thành dự án VNG.

2023

Trúng thầu dự án đầu tư Solar áp mái cho 13 siêu thị Coop Mart.

TỔNG QUAN VỀ GLT

Ngành nghề kinh doanh

Trải qua hơn 28 năm phát triển chúng tôi tự hào là công ty hàng đầu tại Việt Nam có uy tín về tư vấn, thiết kế, sản xuất và cung cấp thiết bị, giải pháp trong lĩnh vực chống sét, giải pháp tích hợp cho hệ thống Trung tâm Dữ liệu, hệ thống điện nhẹ, an ninh tích hợp và dịch vụ bảo trì bảo dưỡng chất lượng cao.

1 | Chống sét

Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu là nhà phân phối ủy quyền duy nhất tại Việt Nam các sản phẩm của hãng **ERICO (USA)** từ khi thành lập công ty. Các giải pháp chính:

- Chống sét trực tiếp
- Chống sét lan truyền
- Tiếp địa

Bên cạnh đó, Toàn Cầu thực hiện sản xuất và kinh doanh một số dòng sản phẩm chống sét lan truyền mang Thương hiệu Global.

2 | Giải pháp tích hợp cho TTDL, phòng Server và phòng Lab

Công ty TNHH Global Sitem (GSC) là đơn vị chủ đạo trong lĩnh vực này. GSC là đại lý độc quyền của máy lạnh Stulz tại thị trường Việt Nam và cung cấp các giải pháp tổng thể cho Data Center cùng hạ tầng mạng ITC, bao gồm:

- Hệ thống máy lạnh chính xác
- Giải pháp phòng cháy chữa cháy cho Data Center
- Giải pháp nguồn Data Center
- Giải pháp bảo vệ và giám sát Data Center

3 | Hệ thống điện nhẹ, An ninh tích hợp (ISMS)

Toàn Cầu kinh doanh các thiết bị, tư vấn thiết, thi công lắp đặt các giải pháp về hệ thống điện nhẹ (ELV) và Hệ thống an ninh tích hợp (ISMS) chất lượng cao như là: Hệ thống kiểm soát vào ra, cửa xoay an ninh, cổng phân làn, hệ thống báo động, tuần tra an ninh, hệ thống báo cháy, hệ thống camera giám sát, hệ thống quản lý khách ra vào, v.v.

4 | Hệ thống Âm thanh – Hình ảnh (AV)

Chúng tôi chuyên cung cấp, tư vấn giải pháp các hệ thống nghe nhìn như hệ thống phòng hội nghị, phòng họp trực tuyến, hệ thống màn hình chuyên dụng, treo tường với diện tích lớn, hệ thống âm thanh, hệ thống hiển thị phòng quan sát tập trung, v.v.

5 | Dịch vụ bảo trì bảo dưỡng

Dịch vụ Bảo trì bảo dưỡng của công ty Toàn Cầu chú trọng việc dự phòng và ngăn ngừa các hỏng hóc có thể xảy ra trong quá trình vận hành. Thiết bị được kiểm tra trạng thái vận hành thường xuyên, cập nhật phần mềm và thông số khi có sai lệch.

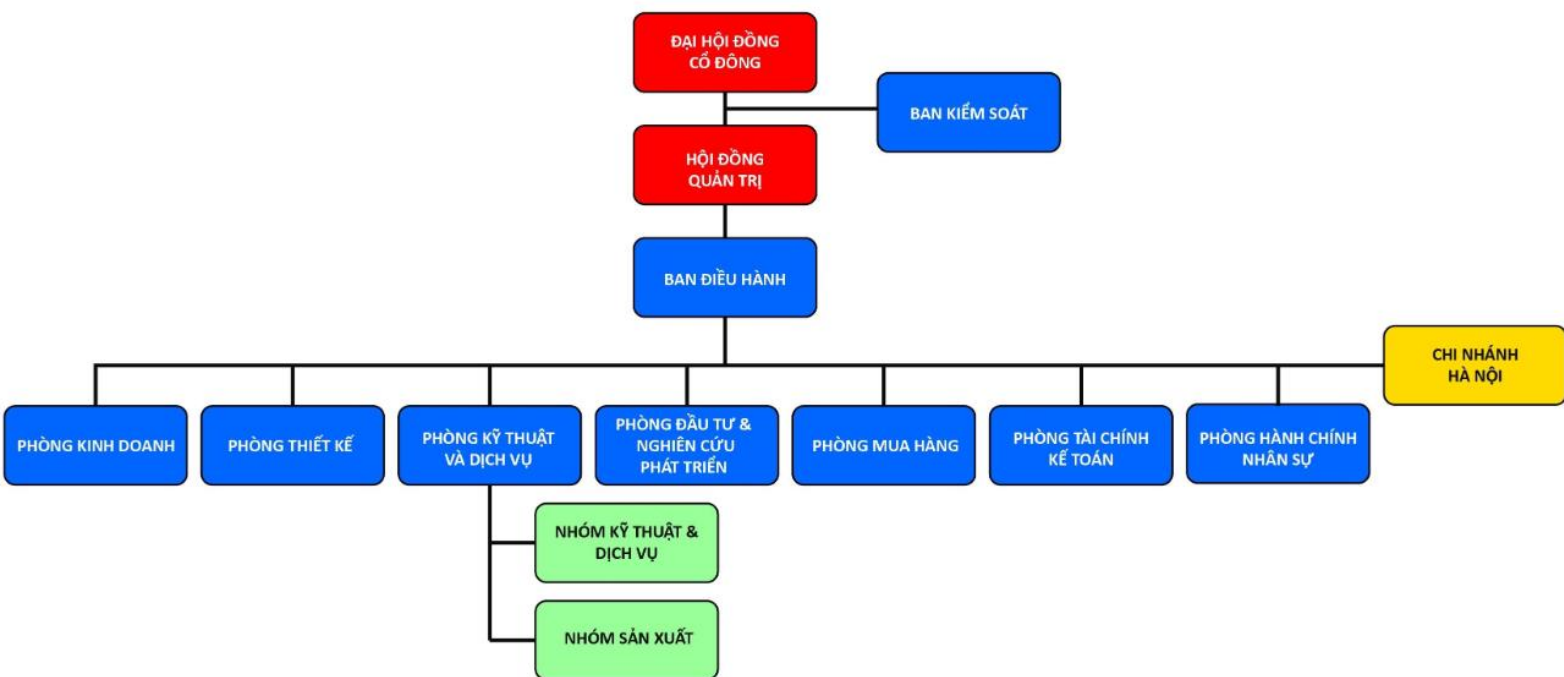
Địa bàn hoạt động

Lầu 2, ITD Building, số 01 Đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7, TPHCM.

Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý



CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU



Các công ty con:

1. Công ty TNHH Global Sitem
2. Công ty Cổ Phần INNO

TỔNG QUAN VỀ GLT

Thông tin vốn, cổ phần và cổ đông

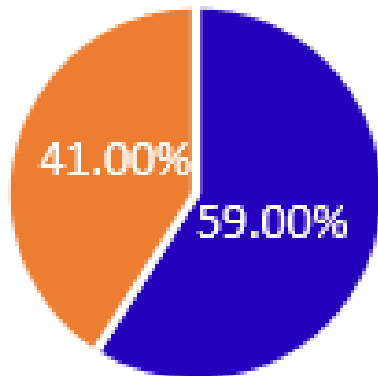
Thông tin vốn và cổ phần

Vốn điều lệ: 104,560,920,000 đồng

Khối lượng cổ phiếu đã phát hành	10,456,092
Loại cổ phiếu	Phổ thông
Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành	9,350,942
Khối lượng cổ phiếu quỹ	1,105,150
Mệnh giá	10,000 VNĐ

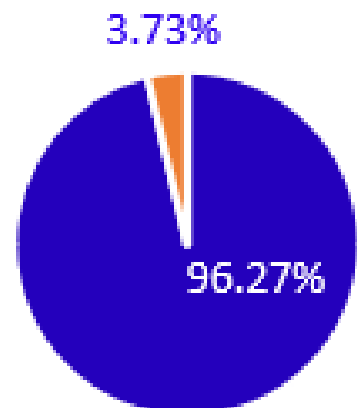
Cơ cấu cổ đông

	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông lớn (>=5%)	02	5,517,128	59.00%
Cổ đông khác (<5)	264	3,833,814	41.00%
Tổng cộng		9,350,942	100.00%



Tên cổ đông lớn	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Công ty CP Công Nghệ Tiên Phong	4,510,118	48.23%
Công ty CP Đầu Tư Tánh Linh	1,007,410	10.77%

	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông trong nước		9,001,837	96.27%
Cổ đông nước ngoài		349,105	3.73%
Tổng		9,350,942	100%



Thay đổi vốn chủ sở hữu

Trong năm không phát sinh

03

PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đánh giá Ban Giám đốc về kết quả kinh doanh 2023

Bối cảnh

Năm 2023 vừa qua, kinh tế thế giới và Việt Nam đối mặt với nhiều khó khăn, rủi ro và thách thức. Lạm phát đã giảm nhưng còn ở mức cao, lãi suất cao, căng thẳng chính trị dai dẳng và phức tạp, rủi ro tài chính – tiền tệ gia tăng, an ninh năng lượng, an ninh lương thực và chuỗi cung ứng chịu nhiều áp lực, biến đổi khí hậu cực đoan, khó lường hơn..., tác động tiêu cực tới các hoạt động kinh tế - xã hội toàn cầu và Việt Nam.

Đánh giá kết quả kinh doanh

Một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh chính trong năm 2023

Chỉ tiêu	2022	2023	+Tăng/-Giảm
Tổng giá trị tài sản	267,383	185,560	-30.60%
Doanh thu kinh doanh hợp nhất	645,680	83,252	-87.11%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	33,196	7,642	-76.98%
Lợi nhuận trước thuế, lãi vay và khấu hao	35,277	10,592	-69.97%
Lợi nhuận trước thuế	32,376	7,908	-75.57%
Lợi nhuận sau thuế công ty Mẹ	22,732	5,201	-77.12%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (bằng tiền mặt và cổ phiếu)	30%	0%	

Doanh thu hợp nhất của Công ty CP Kỹ thuật điện Toàn Cầu (GLT) năm 2023 chỉ hơn 83 tỷ đồng đạt 28.4% so với kế hoạch, và giảm 87.11% so với năm 2022. Nguyên nhân không đạt kế hoạch do một phần bị tác động chung của nền kinh tế trong nước, một phần các dự án bị ngưng trệ chưa được triển khai lại.

Những nhiệm vụ đã hoàn thành:

- ✓ Đầu tư vào lĩnh vực Solar và đã trúng thầu solar áp mái cho 13 siêu thị Coop Mart.
- ✓ Hoàn thiện bộ máy quản lý của Công ty.
- ✓ Tham dự một số gói thầu quan trọng và đã có kết quả trúng thầu vào đầu năm tài chính 2024.

Đánh giá Ban Giám đốc về kết quả kinh doanh 2023

Đánh giá chung

Những tiến bộ công ty đã đạt được:

- ✓ Hoàn thiện và phát triển năng lực quản lý dự án lớn.
- ✓ Tái cấu trúc các lĩnh vực kinh doanh tại công ty thành viên.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm 31/03/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính. Kiểm toán độc lập chấp nhận hoàn toàn Báo cáo tài chính của Tập đoàn.

Tình hình tài chính

Tình hình tài sản

Năm 2023, Tổng tài sản của Tập đoàn là 185 tỷ đồng giảm 82 tỷ đồng, trong đó Tài sản ngắn hạn (161 tỷ đồng) giảm gần 83.5 tỷ đồng, Tài sản dài hạn (25 tỷ đồng) tăng 1.7 tỷ đồng. Các nguyên nhân chính làm tăng/giảm tài sản của Tập đoàn trong kỳ là:

- Các khoản tiền và tương đương tiền, đầu tư ngắn hạn (100.9 tỷ đồng) tăng 41.4 tỷ do đã thu hồi được công nợ phải thu.
- Các khoản phải thu trong kỳ (37 tỷ đồng) giảm 135.7 tỷ so với đầu năm do công nợ của dự án VNG đã thu được phần lớn tiền.
- Hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho (19.2 tỷ đồng) tăng gần 8 tỷ so với số đầu năm do 1 số dự án/công trình dở dang chưa được hoàn thành/nghiệm thu.
- Tài sản cố định: tăng 1.6 tỷ do tăng đầu tư hệ thống điện mặt trời áp mái.

Tình hình nợ phải trả:

Tại thời điểm 31/03/2024 tổng nợ phải trả của Tập đoàn là 31.8 tỷ đồng giảm 87.3 tỷ đồng so với đầu năm. Trong đó, khoản nợ ngắn hạn (31.3 tỷ đồng) giảm 84.8 tỷ và nợ dài hạn (425 triệu đồng) giảm 2.6 tỷ đồng.

- Nợ ngắn hạn giảm 84.8 tỷ chủ yếu là khoản giảm phải trả người bán, chi phí phải trả ngắn hạn, thuế và các khoản phải nộp, vay ngân hàng và nợ thuê tài chính ngắn hạn.
- Nợ dài hạn giảm 2.6 tỷ đồng chủ yếu do điều chỉnh bảo hành công trình xây dựng sang ngắn hạn và đã sử dụng hết Quỹ phát triển khoa học công nghệ .

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Tình hình thực hiện các dự án

- Tổng giá trị hợp đồng đã ký trong năm tài chính 2023 của GLT Group chỉ đạt 96 tỷ.

Đánh giá Ban Giám đốc về kết quả kinh doanh 2023

Danh sách các công ty con

Tên Công Ty	Lĩnh vực	Vốn thực góp (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
CT TNHH Global Sitem	Cung cấp giải pháp hạ tầng trung tâm dữ liệu.	9,562.5	63.75%	63.75%
CTCP In No	Sản xuất phần mềm. Tư vấn và cung cấp các giải pháp phần mềm.	14,994	99.96%	99.96%

Chỉ tiêu tài chính cơ bản của các Công ty con tại thời điểm 31/03/2024

Công Ty	Tổng tài sản	VCSH	Doanh thu thuần	LN từ HĐ SXKD	LN trước thuế	LN sau thuế	ROE (%)	EPS
Global Sitem	39,621	34,429	46,741	3,463	3,439	2,722	8%	
In No	15,468	15,366	0	1062	1062	861	6%	

CÔNG TY KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU

Trải qua 27 năm phát triển, Công ty CP Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu tự hào là đơn vị hàng đầu Việt Nam có uy tín trong việc tư vấn, thiết kế, cung cấp thiết bị và các giải pháp tiên tiến trong lĩnh vực chống sét, năng lượng xanh, tích hợp giải pháp hệ thống trung tâm dữ liệu, đầu tư hạ tầng viễn thông cũng như cung cấp dịch vụ bảo trì chất lượng cao. Với năng lực triển khai dự án và năng lực tài chính tốt, Công ty Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu đã khẳng định được vị thế trên thị trường và được nhiều khách hàng lớn trong và ngoài nước đánh giá cao.

Kết quả hoạt động kinh doanh 2023:

- Doanh thu: 49 tỷ đồng (-92% so với 2022)
- Lợi nhuận sau thuế: 3.9 tỷ đồng (-79% so với 2022)

Với sự bão hòa của lĩnh vực viễn thông trong những năm gần đây, yêu cầu đổi mới sáng tạo trong sản phẩm và giải pháp mới đặc biệt trong lĩnh vực Trung tâm dữ liệu sẽ là kim chỉ nam cho định hướng của công ty.

CÔNG TY TNHH GLOBAL SITEM

Là nhà cung cấp giải pháp tích hợp trung tâm dữ liệu hàng đầu. Sau năm 2022 thành công với doanh thu lớn từ dự án VNG, năm 2023 ghi nhận một năm khó khăn khi một số dự án bị chậm lại vì vậy doanh thu không đạt như kỳ vọng.

- Doanh thu: 47 tỷ đồng (-69% so với 2022)
- Lợi nhuận sau thuế: 2.7 tỷ đồng (-70% so với 2022)

CÔNG TY CỔ PHẦN INNO

Kết quả hoạt động kinh doanh 2023:

- Doanh thu: -
- Lợi nhuận sau thuế: 861 triệu đồng

INNO trong thời gian tới đã được định hướng là một công ty chuyên về đầu tư Trung tâm dữ liệu, văn phòng và dịch vụ khác nhắm hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

Giữ vai trò đại diện quyền lợi cho cổ đông GLT trong năm 2023, HĐQT đương nhiệm của công ty Toàn Cầu đã tích cực thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ quyền hạn theo Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị của công ty Toàn Cầu.

Trong năm 2023, HĐQT đã thông qua các nội dung như sau:

- ✓ Thực hiện họp định kỳ hàng quý, xem xét thông qua các báo cáo tài chính, báo cáo kết quả kinh doanh hàng quý và cả năm.
- ✓ Giám sát tình hình tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động kinh doanh của công ty.
- ✓ Hoàn tất việc phát hành ESOP năm 2022 của công ty CP Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu vào tháng 5/2023.
- ✓ Ban hành toàn văn Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- ✓ Triển khai hoàn tất việc chi trả cổ tức đợt 3 của năm 2022 bằng tiền mặt.
- ✓ Thống nhất ủy quyền TGD phê duyệt từng trường hợp cụ thể các giao dịch thường xuyên giữa các công ty thành viên trên tinh thần tối ưu nguồn lực tập đoàn trong năm 2024.
- ✓ Thông qua việc thu hồi cổ phiếu đã phát hành theo chương trình lựa chọn dành cho người lao động (chương trình ESOP năm 2022) đối với các nhân viên nghỉ việc.
- ✓ Ban hành toàn văn Quy chế Công bố thông tin.
- ✓ Thông qua kế hoạch ngân sách 2024, giao nhiệm vụ cho Tổng Giám Đốc.

Công tác nhân sự:

- Bổ nhiệm Ông Nguyễn Ngọc Duy đảm nhiệm vị trí Giám đốc kinh doanh kể từ ngày 01/06/2023 đến 31/03/2025.
- Bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Mai Hương đảm nhiệm vị trí Thư ký công ty kể từ ngày 14/07/2023.

Năm 2024, nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đang đối mặt với nhiều khó khăn do ảnh hưởng của chiến tranh, suy thoái kinh tế...Tuy nhiên, với năng lực chuyên môn kinh doanh hiện tại và kinh nghiệm tháo gỡ khó khăn trong quá khứ sẽ là những bài học, những hành trang quý giá cho GLT trong quá trình hội nhập phát triển. Và thị trường cơ hội nhưng thử thách, năm 2024, HĐQT chủ trương tiếp tục cẩn trọng trong việc tổ chức hoạt động kinh doanh, đẩy mạnh xây dựng và kết hợp phát triển các giải pháp tích hợp trong các lĩnh vực kinh doanh chính của Tập đoàn:

Kế Hoạch Và Định Hướng Của HĐQT

Nhiệm vụ kinh doanh năm 2024

Năm 2024, dự báo nền kinh tế thế giới và Việt Nam vẫn còn khó khăn, tuy nhiên một số dự án mà công ty đang theo đuổi đã có kết quả khả quan với việc trúng thầu Dự án Viettel 277 tỷ đồng sẽ được thực hiện trong năm nay và một phần của năm sau. Do đó GLT đề xuất kế hoạch kinh doanh năm 2024 cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2024
Doanh thu thuần (Hợp nhất)	Triệu đồng	300,000
Lợi nhuận sau thuế (Cổ đông Công ty mẹ)	Triệu đồng	17,500
Cổ tức năm 2024	%	15%

Năm 2024, Tập đoàn tiếp tục tập trung phát triển và củng cố các hoạt động kinh doanh cốt lõi nhằm mang lại hiệu quả tối ưu như sau:

- Máy lạnh chính xác và hạ tầng cho Trung tâm dữ liệu.
- Thực hiện triển khai đầu tư dự án Solar.
- Thiết bị chống sét.

Thận trọng trong việc tổ chức sản xuất kinh doanh, tiếp tục đẩy mạnh hoạt động đổi mới sáng tạo, phát triển sản phẩm mới, giải pháp mới, tìm kiếm thị trường mới. Tổ chức đội ngũ chuyên trách hỗ trợ các đơn vị thành viên có được bộ máy quản lý chuyên nghiệp và có hiệu quả hoạt động cao.

Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy chế, quy định của Công ty; áp dụng các biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí, tinh gọn nhân sự, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nội bộ để hoàn thiện bộ máy điều hành.

Chiến lược 2020 - 2025

Trong giai đoạn 2020 – 2025, tập đoàn triển khai song hành hai định hướng chiến lược chính “Năng động, Sáng tạo” và GLT cũng bám sát chiến lược phát triển này như sau :

- 1) **Định hướng năng động:** Mở rộng thị phần và số lượng khách hàng, kịp thời nắm bắt các xu hướng kinh doanh mới và tiến bộ kỹ thuật từ phía khách hàng, từ đó nhanh chóng tìm kiếm những cơ hội kinh doanh mới.
- 2) **Định hướng sáng tạo:** Đẩy mạnh hoạt động đổi mới sáng tạo trong tập đoàn, đặt mục tiêu đổi mới sáng tạo là yếu tố sống còn và là kim chỉ nam trong các định hướng chiến lược.

Cơ chế phối hợp của hai định hướng năng động và sáng tạo

- Cần tổ chức bộ máy gọn nhẹ, hiệu suất cao;
- Xây dựng đội ngũ thành tích cao là điều kiện tiên quyết để đạt được các mục tiêu chiến lược;
- Với các dự án qui mô ngày càng lớn có độ phức tạp cao, việc nâng cao trình độ quản lý dự án là vô cùng quan trọng để đạt hiệu quả kinh doanh cao;
- Đẩy mạnh các hoạt động tiếp thị, đặc biệt qua mạng internet đối với nhóm khách hàng tư nhân và các công ty đầu tư từ nước ngoài.

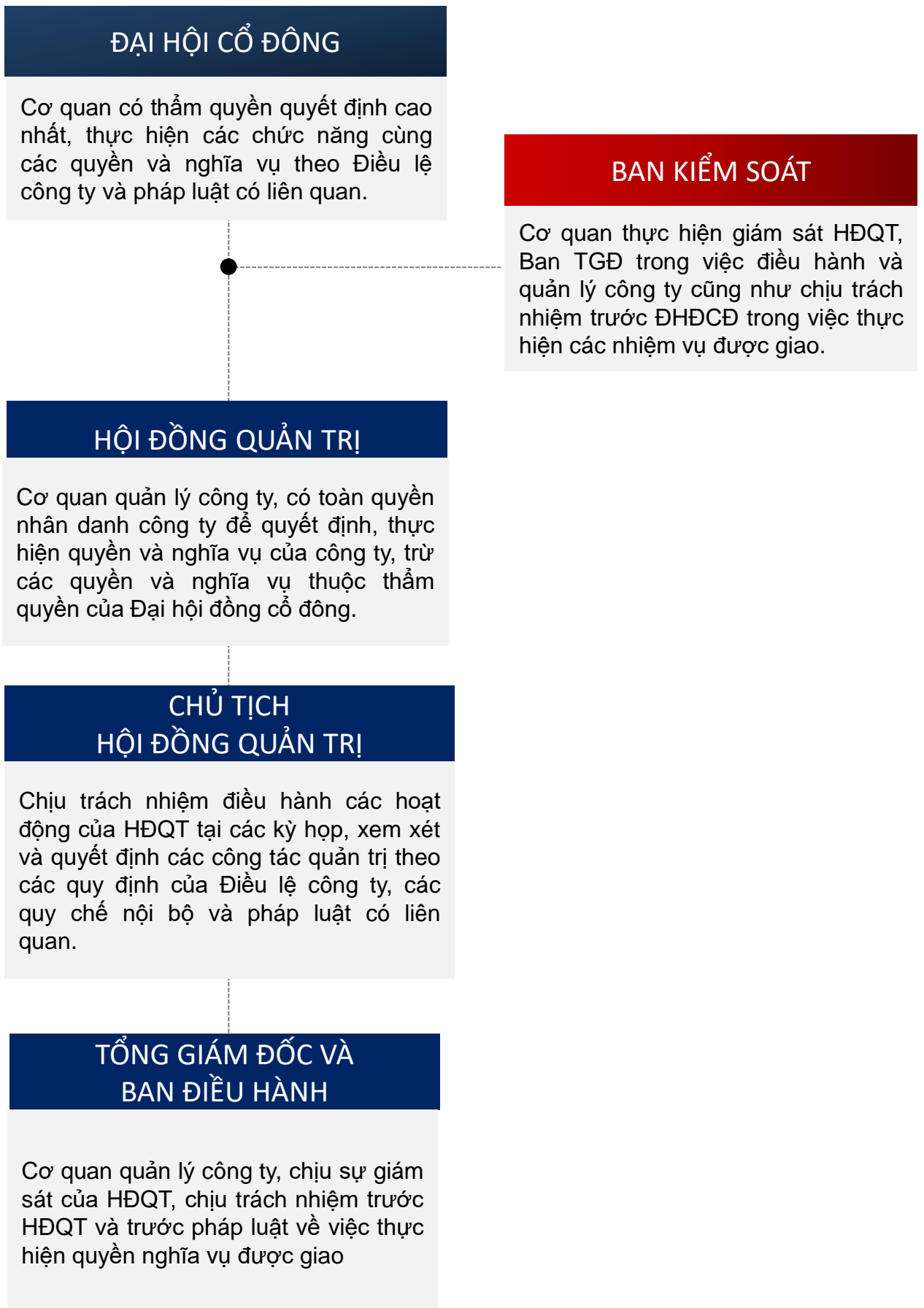
Mục tiêu của GLT Group đến năm 2025:

- Tốc độ tăng trưởng từ **15% – 20%/năm/đơn vị kinh doanh** đến năm 2025;
- Lợi nhuận ròng của công ty mẹ đảm bảo mức cổ tức hàng năm cho cổ đông **tối thiểu 10%**;
- Các công ty thành viên trong tập đoàn quyết liệt trong việc đầu tư, tìm kiếm, phát triển sản phẩm và giải pháp mới với tỷ trọng tăng dần từ **15% - 25%**;

04

BÁO CÁO QUẢN TRỊ

Mô hình quản trị và vai trò của các bên



Thành viên HĐQT

	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Trình độ chuyên môn
1	Ông Nguyễn Vĩnh Thuận	Chủ tịch HĐQT	Kỹ sư điện – tự động hóa, Thạc sĩ QTKD
2	Ông Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên HĐQT	Kỹ sư điện tử
3	Ông Lâm Thiếu Quân	Thành viên HĐQT	Quản trị HTTT, Kinh tế, Kỹ sư thủy lợi
4	Bà Doãn Thị Bích Ngọc	Thành viên HĐQT	Cử nhân vật lý – Cử nhân kinh tế thông tin – Thạc sĩ QTKD – Cử nhân kinh tế ngoại thương
5	Ông Mai Tuấn Tú	Thành viên độc lập	Kỹ sư điện – tự động hóa



Chủ tịch HĐQT

Ông Nguyễn Vĩnh Thuận

Ông Nguyễn Vĩnh Thuận với nhiều kinh nghiệm chuyên sâu về ITS, lĩnh vực giao thông thông minh, ông đã đồng hành gắn bó gần 20 năm với ITD Group. Ông tốt nghiệp Đại học Bách Khoa TP HCM ngành Điện – Tự động hóa và thạc sĩ quản trị kinh doanh Đại Học UBIS (Thụy Sĩ).

Hiện tại ông là Chủ tịch HĐQT công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu, Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Tiên Phong

Ông Nguyễn Hữu Dũng

Ông Nguyễn Hữu Dũng có gần 30 năm kinh nghiệm cũng như đảm nhiệm vị trí lãnh đạo trong các lĩnh vực kinh doanh, công nghệ và kỹ thuật. Tham gia GLT từ những ngày đầu thành lập, ông đã có nhiều đóng góp quan trọng cho sự phát triển của GLT qua các vị trí trưởng phòng kinh doanh, Phó giám đốc, Giám đốc, Tổng giám đốc và thành viên HĐQT.

Hiện tại ông là thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu, đồng thời là thành viên HĐQT của Công ty CP Công Nghệ Tiên Phong, Chủ tịch HĐTV kiêm Giám đốc Công ty TNHH Global – Sitem, Thành viên HĐQT công ty Tánh Linh, Thành viên HĐQT công ty Larion.



Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Thành viên HĐQT

Ông Lâm Thiệu Quân

Là nhà lãnh đạo có nhiều đóng góp quan trọng trong quá trình tăng trưởng của ITD nói chung và GLT nói riêng. Với gần 31 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, ông giữ nhiều vị trí quan trọng như Phó Giám đốc Trung tâm Ứng dụng Công nghệ Tin Học & Điều khiển CATIC; Giám đốc Công ty TNHH TM Toàn Cầu A; Công ty TNHH TM Siêu Tính; Công ty TNHH Cơ khí Thạch Anh; Chủ tịch HĐQT Công Ty Cổ Phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu..... Ông tốt nghiệp 3 chuyên ngành bao gồm: Thủy lợi tổng hợp tại Đại học Bách Khoa HCM, Kinh tế Ngoại thương tại Đại học Kinh tế HCM và Quản Trị Hệ Thống Thông Tin tại Trường đào tạo quản lý DN (CBAM).

Hiện tại ông là Thành viên HĐQT Công ty CP Công Nghệ Tiên Phong, Thành viên HĐQT Công ty CP Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu và đang là thành viên HĐQT tại 03 công ty khác.



Thành viên HĐQT



Thành viên HĐQT

Bà Doãn Thị Bích Ngọc

Là thành viên HĐQT của ITD từ năm 2015 đến nay, bà là một nhà quản trị xuất sắc và luôn tiên phong trong việc hiện đại hóa bộ máy quản trị. Bà Ngọc có nhiều năm kinh nghiệm lĩnh vực kinh doanh với các vị trí Trưởng phòng kinh doanh Công ty Vật tư Bưu điện II, Giám đốc Công ty COKYVINA. Bà hoàn thành bậc Cử Nhân Vật Lý - Cử Nhân Kinh Tế Thông Tin – Thạc Sĩ Quản Trị Kinh Doanh.

Hiện tại bà là Chủ tịch HĐQT Công ty CP Công Nghệ Tiên Phong, đồng thời là Thành viên HĐQT Công ty CP Công ty CP Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu và Công nghệ Tự động Tân Tiến.

Ông Mai Tuấn Tú

Ông Mai Tuấn Tú có nhiều năm công tác tại Tập đoàn ITD.

Hiện tại ông đang là thành viên HĐQT độc lập tại Công ty cổ phần Kỹ Thuật điện Toàn Cầu, đồng thời là thành viên HĐQT tại công nghệ Thiên Vân.



Thành viên HĐQT độc lập

Quản trị công ty năm 2023



Thành viên Ban Giám đốc

	Thành viên Ban Giám Đốc	Chức vụ	Trình độ chuyên môn
1	Ông Nguyễn Hữu Dũng	Tổng Giám đốc	Kỹ sư điện tử
2	Bà Nguyễn Hương Giang	Giám đốc điều hành	Cử nhân kinh tế
3	Ông Nguyễn Ngọc Duy	Giám đốc kinh doanh	Kỹ sư điện

STT	Số Nghị Quyết	Ngày	Nội dung
1	02/2023-ĐHĐCĐ	27/06/2023	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022. ▪ Thông qua việc trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2022. ▪ Thông qua việc trích lập và sử dụng quỹ Đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2022. ▪ Thông qua mức cổ tức năm 2022 là 25% bằng tiền mặt trong đó đã tạm ứng trong năm là 20% còn lại 5%. ▪ Quyết định kế hoạch cho năm tài chính của công ty trong năm 2023 như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Doanh thu thuần hợp nhất: 292 tỷ đồng. + Lợi nhuận sau thuế hợp nhất thuộc cổ đông công ty mẹ: 18,5 tỷ đồng. + Lợi nhuận sau quỹ hợp nhất thuộc cổ đông công ty mẹ: 18 tỷ đồng. + EPS: 1,500 VNĐ/Cổ phần. + Cổ tức dự kiến năm 2023: 15%. ▪ Thông qua việc giao cho Ban kiểm soát chủ động thẩm định và chọn đơn vị kiểm toán để thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty. ▪ Thông qua chủ trương đầu tư Dự án Datacenter và văn phòng cho thuê. ▪ Thông qua việc sửa đổi Điều lệ công ty theo tờ trình và ủy quyền Hội đồng quản trị hoàn tất toàn văn Điều lệ công ty. ▪ Thông qua việc sửa đổi bổ sung ngành nghề kinh doanh theo tờ trình và ủy quyền Hội đồng quản trị hoàn tất các thủ tục đăng ký thay đổi ngành nghề theo quy định. ▪ Thông qua việc sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty theo tờ trình (Phụ lục 4 đính kèm) và ủy quyền Hội đồng quản trị hoàn tất toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Quản trị công ty năm 2023

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Từ ngày 01/04/2023 đến ngày 31/03/2024, Hội đồng quản trị đã tiến hành 04 cuộc họp, cụ thể như sau:

STT	Số Nghị Quyết	Ngày	Nội dung
1	004/2023/NQ-HĐQT-CBTT (lấy ý kiến qua email)	03/04/2023	<ul style="list-style-type: none">▪ Thống nhất ngày sở hữu trong phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty là ngày kết thúc đợt phát hành cụ thể là ngày kết thúc việc thu tiền mua cổ phiếu của người lao động, ngày được tổ chức phát hành xác định để phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động.▪ Thống nhất phạm vi và đối tượng phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty là công ty CP Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu và công ty con cụ thể gồm: Lãnh đạo, quản lý, nhân viên, nhân viên tiềm năng.▪ Thống nhất nhân viên tiềm năng (đối tượng được mua cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty): là nhân viên hiện tại đang làm việc tại công ty CP Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu và công ty con.▪ HĐQT sẽ thực hiện Báo cáo ĐHCĐ gần nhất về các nội dung nêu trên.
2	005/2023/NQ-HĐQT-CBTT (lấy ý kiến qua email)	26/04/2023	<ul style="list-style-type: none">▪ Thống nhất tổ chức ĐHCĐ kỳ họp thường niên năm 2023 (“Đại hội 2023”) với các nội dung như sau:<ul style="list-style-type: none">a) Thống nhất ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách người sở hữu cho cổ phiếu Công ty CP Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu để thực hiện tham dự Đại hội đồng cổ đông kỳ họp thường niên năm 2023 là ngày 26/05/2023.b) Nội dung cụ thể:<ul style="list-style-type: none">○ Tỷ lệ thực hiện: Đối với cổ phiếu phổ thông: 1 cổ phiếu – 1 quyền biểu quyết○ Thời gian thực hiện: Từ 13h30 – 17h00, ngày 27/06/2023○ Địa điểm thực hiện: Tòa nhà ITD, số 01 Đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp HCM.

Quản trị công ty năm 2023



Hoạt động của Hội đồng quản trị

Từ ngày 01/04/2023 đến ngày 31/03/2024, Hội đồng quản trị đã tiến hành 04 cuộc họp, cụ thể như sau:

STT	Số Nghị Quyết	Ngày	Nội dung
3	006/2023/NQ-HĐQT-CBTT	22/05/2023	<ul style="list-style-type: none">▪ Thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh Quý 4/2022 và FY2022.▪ Ghi nhận báo cáo tiến độ phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2021.▪ Thông qua phương án xử lý cổ phần cán bộ nhân viên không mua hết trong đợt phát hành ESOP, chi tiết như sau:<ul style="list-style-type: none">+ Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 406.564 cổ phiếu.+ Số lượng cổ phiếu đã được phân phối và nộp tiền mua tính đến ngày 19/05/2023 là: 375.664 cổ phiếu.+ Số cổ phiếu còn lại: 30.900 cổ phiếu.+ Số cổ phiếu còn lại nêu trên sẽ được phân phối cho cán bộ công nhân viên theo danh sách Phụ lục 1 đính kèm với giá phát hành dự kiến: 10.000 đồng/1 cổ phiếu.+ Thời gian nộp tiền mua cổ phiếu: từ ngày 25/5/2023 đến ngày 26/05/2023.▪ Thống nhất bổ nhiệm anh Nguyễn Ngọc Duy đảm nhiệm vị trí Giám đốc kinh doanh kể từ ngày 01/06/2023 đến 31/03/2025.
4	007/2023/NQ-HĐQT-CBTT (lấy ý kiến qua email)	14/07/2023	<ul style="list-style-type: none">▪ Thông qua đơn từ nhiệm vị trí Thư ký công ty của Bà Nguyễn Mộng Phương Kiều vì lý do cá nhân kể từ ngày 14/07/2023.▪ Thống nhất bổ nhiệm Bà Nguyễn Thị Mai Hương đảm nhiệm vị trí Thư ký công ty của Công ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu kể từ ngày 14/07/2023.

Quản trị công ty năm 2023



Hoạt động của Hội đồng quản trị

Từ ngày 01/04/2023 đến ngày 31/03/2024, Hội đồng quản trị đã tiến hành 04 cuộc họp, cụ thể như sau:

STT	Số Nghị Quyết	Ngày	Nội dung
5	008/2023/NQ-HĐQT-CBTT	17/08/2023	<ul style="list-style-type: none">▪ Thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh Quý 1/2023 (01/04/2023-30/06/2023).▪ Thông qua việc điều chỉnh nội dung, làm rõ diễn giải ngành nghề kinh doanh và ban hành toàn văn Điều lệ công ty.▪ Thống nhất thông qua và ban hành toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
6	009/2023/NQ-HĐQT-CBTT (lấy ý kiến qua email)	13/11/2023	<ul style="list-style-type: none">▪ Quyết định việc chi trả cổ tức đợt 3 của năm 2022 bằng tiền mặt như sau:<ul style="list-style-type: none">○ Tỷ lệ thực hiện cổ tức đợt 3 của năm 2022 bằng tiền mặt: 5%/cổ phiếu (01 cổ phiếu nhận được 500 đồng).○ Ngày đăng ký cuối cùng: 24/11/2023.○ Ngày thanh toán: 08/12/2023.○ Địa điểm thực hiện:<ul style="list-style-type: none">+ Đối với chứng khoán lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục nhận cổ tức tại các thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký;+ Đối với chứng khoán chưa lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục nhận cổ tức công ty tại Lầu 2, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM (vào các ngày làm việc trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6) bắt đầu từ ngày 08/12/2023 và xuất trình chứng minh nhân dân/căn cước công dân/giấy tờ nhân thân hợp pháp.

Quản trị công ty năm 2023



Hoạt động của Hội đồng quản trị

Từ ngày 01/04/2023 đến ngày 31/03/2024, Hội đồng quản trị đã tiến hành 04 cuộc họp, cụ thể như sau:

STT	Số Nghị Quyết	Ngày	Nội dung
7	10/2023/NQ-HĐQT-CBTT	23/11/2023	<ul style="list-style-type: none">• Thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh Quý 2/2023 (01/07/2023-30/09/2023).• Thống nhất ủy quyền Tổng Giám Đốc phê duyệt từng trường hợp cụ thể các giao dịch thường xuyên giữa các công ty thành viên trên tinh thần tối ưu nguồn lực tập đoàn trong năm 2024 gồm các giao dịch sau:<ul style="list-style-type: none">+ Thuê văn phòng ITD Building, thuê kho.+ Quản trị mạng nội bộ.+ Mua bán hàng hóa, tài sản theo nguyên tắc giá bán nội bộ.+ Các giao dịch thường xuyên khác (nếu có).▪ Thông qua việc thu hồi cổ phiếu đã phát hành theo chương trình lựa chọn dành cho người lao động (chương trình ESOP năm 2022) đối với các nhân viên nghỉ việc từ 01/10/2023 đến nay đối với 01 trường hợp và số lượng là 24.200 cổ phiếu. Hội đồng quản trị giao Tổng Giám Đốc thực hiện các thủ tục cần thiết và hoàn tất việc thu hồi cổ phiếu ESOP theo đúng quy định.
8	01/2024/NQ-HĐQT-CBTT	25/01/2024	<ul style="list-style-type: none">▪ Thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh Quý 3/2023 (01/10/2023-31/12/2023).▪ Thông qua việc thu hồi cổ phiếu đã phát hành theo chương trình lựa chọn dành cho người lao động (chương trình ESOP năm 2022) đối với 01 nhân viên nghỉ việc từ 01/02/2024 và số lượng là 7.200 cổ phiếu. Hội đồng quản trị giao Tổng Giám Đốc thực hiện các thủ tục cần thiết và hoàn tất việc thu hồi cổ phiếu ESOP theo đúng quy định.
9	02/2024/NQ-HĐQT-CBTT (lấy ý kiến bằng văn bản)	02/02/2024	<ul style="list-style-type: none">▪ Thống nhất thông qua và ban hành toàn văn Quy chế Công bố thông tin.

Báo cáo đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng quản trị

I. Đánh giá chung về hoạt động của HĐQT

- Các hoạt động của HĐQT đã được thực hiện theo kế hoạch hoạt động của HĐQT trong năm 2022, tập trung đúng theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và tuân thủ Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các chuẩn mực về quản trị công ty;
- Tất cả thành viên HĐQT có tinh thần trách nhiệm và có tính chuyên nghiệp cao, hoạch định rõ ràng về trách nhiệm được phân công và thận trọng trong việc thực hiện vai trò, quyền và trách nhiệm của mình để đảm bảo lợi ích của Công ty.
- Các vấn đề liên quan đến chiến lược, kế hoạch kinh doanh, tài chính, văn hóa doanh nghiệp, xây dựng hệ thống quản lý trong Công ty.....đều được thảo luận, kiểm soát một cách chặt chẽ giữa HĐQT và Ban điều hành.
- HĐQT đã trao đổi, thảo luận thường xuyên với Ban TGD để kịp thời chỉ đạo, hỗ trợ Ban TGD trong tiến trình vận hành Công ty, thực hiện tốt việc giám sát và kiểm soát công tác điều hành; tham gia xây dựng các quy chế, chính sách vận hành nhằm đảm bảo hài hòa lợi ích của Công ty và các cổ đông. Đồng thời, HĐQT trực tiếp chia sẻ kiến thức với Ban TGD nhằm tiếp sức trong việc phát triển nguồn lực và công tác quản trị tại Công ty.

II. Đánh giá về công tác giám sát Tổng Giám đốc và Ban điều hành

- Về tổng thể, HĐQT đã thực hiện tốt công tác giám sát đối với Tổng Giám đốc, đảm bảo mục tiêu kế hoạch kinh doanh và các hoạt động của Công ty luôn được kiểm soát chặt chẽ, đi đúng định hướng chiến lược và phù hợp với thực tiễn.
- Chủ tịch HĐQT và một số thành viên HĐQT đã thường xuyên tham dự các cuộc họp định kỳ và bất thường của Ban điều hành. Các quyết định của TGD và Ban điều hành đã được phân tích, phản biện và tham vấn từ các thành viên HĐQT nhằm đưa ra các giải pháp tối ưu, giúp Công ty được các kết quả tốt nhất.
- HĐQT cũng thường xuyên xem xét các báo cáo của TGD và trao đổi với Ban điều hành, qua đó nắm rõ tình hình hoạt động của Công ty cũng như được cập nhật nhanh nhất các thông tin kinh doanh và yêu cầu từ thực tế.
- Công tác giám sát đối với hoạt động điều hành của TGD và các thành viên trong Ban điều hành được duy trì thường xuyên và chặt chẽ, đảm bảo hoạt động của Công ty ổn định, an toàn, tuân thủ theo quy định của Pháp luật.
- HĐQT đã chủ động hỗ trợ TGD và Ban điều hành trong một số lĩnh vực, hoạt động; đặc biệt quan tâm đến lĩnh vực quản lý rủi ro nhằm sớm nhận diện các vấn đề cần xử lý, giúp Công ty duy trì hoạt động kinh doanh bền vững, liên tục và ổn định, bảo vệ lợi ích của cổ đông và nhà đầu tư.

Quản trị công ty năm 2023

Thành viên Ban Kiểm Soát

Ban Kiểm soát là cơ quan thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc điều hành và quản lý Công ty. Ban Kiểm soát có 3 thành viên với nhiệm kỳ 2022 – 2025. Danh sách Ban kiểm soát bao gồm:

STT	Thành viên Ban Kiểm Soát	Chức vụ	Trình độ chuyên môn
1	Bà Đỗ Thị Thu Hà	Trưởng BKS	Kế toán tài chính
2	Bà Cao Mỹ Phương	Thành viên	Kế toán tài chính
3	Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết	Thành viên	Quản trị kinh doanh



Trưởng Ban kiểm soát

Bà Đỗ Thị Thu Hà

Bà Đỗ Thị Thu Hà tốt nghiệp cử nhân kinh tế khoa Kế toán – Kiểm toán với hơn 20 năm kinh nghiệm làm kế toán, kiểm toán, kiểm soát tại các Công ty trong Tập đoàn Tiên Phong; hiện là Giám đốc Kiểm soát nội bộ tại Công ty CP Công nghệ Tiên Phong.

Bà Cao Mỹ Phương

Tốt nghiệp cử nhân kinh tế Trường Đại học Kinh Tế TP.HCM. Với hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, bà Phương đã có những đóng góp tích cực vào hoạt động của GLT Group.

Hiện tại bà Phương giữ vị trí Trưởng phòng tài chính Công ty cổ Phần Công Nghệ Tiên Phong.



Thành viên
Ban kiểm soát



Thành viên
Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết

Bà Tuyết đã có nhiều năm công tác và nắm giữ các vị trí quản lý, lãnh đạo tại cả ITD lẫn GLT: Phó giám đốc, Giám đốc nhân sự, Giám đốc chiến lược và truyền thông, Tổng giám đốc ITD và TV HĐQT AIT



Hoạt động của Ban Kiểm Soát

Trong năm tài chính 2023, Ban kiểm soát hoạt động chủ yếu thông qua các hình thức sau:

- Ban kiểm soát có thành viên là Giám đốc Kiểm toán nội bộ làm việc chuyên trách tại công ty để thực hiện vai trò kiểm soát hoạt động và rủi ro. Trong năm, Kiểm toán nội bộ đã có các đợt kiểm toán, kiểm soát nội bộ nhằm rà soát quy trình, giảm thiểu rủi ro trong các hoạt động của Công ty.
- Ban kiểm soát chủ động phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong công tác kiểm tra, giám sát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thường xuyên trao đổi thông tin và tài liệu liên quan.
- Bên cạnh đó, Ban kiểm soát cũng tham gia họp định kỳ với Ủy ban kiểm soát tập đoàn để giải quyết các vấn đề vướng mắc trong công tác kiểm soát hoạt động tài chính kế toán, đồng thời góp ý cải tiến trên tinh thần xây dựng và hợp tác nhằm giúp tăng cường hiệu quả kiểm soát của Công ty.
- Tham dự các cuộc họp HĐQT hàng quý và theo yêu cầu, nắm bắt tình hình kinh doanh thực tế của GLT, đóng góp ý kiến với HĐQT và Ban điều hành.
- Ban kiểm soát thống nhất lựa chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC để kiểm toán BCTC hợp nhất và BCTC công ty mẹ năm tài chính 2023. Theo ý kiến của Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC được nêu trong báo cáo kiểm toán, các BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm tài chính 2023 của GLT đã trình bày trung thực, hợp lý trên khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của công ty. Ban kiểm soát thống nhất với số liệu trong báo cáo kiểm toán 2023 của Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Giám Đốc và Ban Kiểm Soát

- Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: tổng thù lao đã chi trả cho HĐQT/BKS/BGD trong năm là 2.258.297.000 VNĐ (Bằng chữ: Hai tỷ, hai trăm năm mươi tám triệu, hai trăm chín mươi bảy ngàn đồng.)
- Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Hữu Dũng		39	0.00%	98.206	1.05%	Mua cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn người lao động
2	Nguyễn Hữu Tiến	Nguyễn Hữu Dũng - Anh ruột	735	0.01%	15.008	0.16%	Mua cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn người lao động

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
3	Công ty CP Đầu tư Tánh Linh	Nguyễn Hữu Dũng – Tổ chức liên quan	903.200	9.66%	1.034.710	11.07%	Mua cổ phiếu bằng hình thức khớp lệnh
4	Nguyễn Hương Giang		139.365	1.49%	201.701	1.93%	Mua cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn người lao động và mua bằng hình thức khớp lệnh
5	Nguyễn Thanh Thủy	Nguyễn Hương Giang – Em ruột	0	0.00%	30.000	0.29%	Mua cổ phiếu bằng hình thức khớp lệnh
6	Mai Ngọc Phượng		93	0.00%	27.602	0.30%	Mua cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn người lao động
7	Nguyễn Ngọc Duy		14.900	0.16%	110.290	1.05%	Mua cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn người lao động và mua cổ phiếu bằng hình thức khớp lệnh

Phân loại	Công ty GLT		Công ty GSC	
	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ
				(%)
Phân theo giới tính	42	100	26	100
Nam	25	71	23	88
Nữ	15	29	3	12
Phân theo trình độ chuyên môn	42	100	26	100
Đại học và Trên đại học	36	86	16	62
Cao đẳng	3	7	2	7
Trung cấp	1	2	7	30
Khác	2	5	1	1
Phân theo thời hạn hợp đồng lao động	42	100	26	100
Không xác định thời hạn, Có xác định thời hạn từ 01 - 03 năm	42	100	25	96
Ngắn hạn dưới 01 năm	0	0	-	-
Thử việc	0	0	1	4

Chính sách đối với người lao động

Chính sách tuyển dụng: Mục tiêu chính sách tuyển dụng của công ty là thu hút và duy trì nguồn nhân lực chất lượng cao. Tiêu chí tuyển dụng dựa trên năng lực chung, năng lực chuyên môn và tố chất cá nhân phù hợp văn hóa Công ty và vị trí công việc của ứng viên.

Chính sách đào tạo: Chính sách đào tạo hàng năm nhằm phát triển năng lực cho mọi cấp bậc nhân viên tương ứng những năng lực cốt lõi sau: năng lực nhận thức, sáng tạo, chuyên môn hóa cao, đa năng và làm việc đồng đội. Hình thức đào tạo được thực hiện dưới dạng đào tạo bên ngoài (trong và nước ngoài) và bên trong (huấn luyện/đào tạo tại chỗ bởi đội ngũ quản trị viên – giảng viên nội bộ).

Chính sách đãi ngộ: Chính sách đãi ngộ được hoàn chỉnh một cách khoa học và hệ thống nhằm xây dựng, hoàn thiện và cải tiến hình thức đãi ngộ cho người lao động, góp phần cho sự phát triển ổn định của công ty mẹ và các công ty thành viên, với các nội dung cụ thể:

- Trả công xứng đáng trên cơ sở năng lực, phẩm chất và hiệu quả công việc của người lao động.

Chính sách cho người lao động

- Duy trì đội ngũ nhân lực giỏi, tận tâm và phát triển cùng Tập đoàn;
- Hấp dẫn đội ngũ lãnh đạo có năng lực xuất sắc và phẩm chất tốt;
- Khuyến khích người lao động tự hoàn thiện bản thân phù hợp với năng lực cốt lõi và định hướng phát triển cùng Tập đoàn;
- Gắn kết sự thành đạt của cá nhân với thành công của Công ty.

Chính sách thu nhập:

- Thu nhập cố định trả hàng tháng cho nhân viên được tính theo 02 yếu tố: năng lực cá nhân và yêu cầu của vị trí công việc. Định kỳ hàng năm, trên cơ sở kết quả đánh giá năng lực và thành tích, các công ty sẽ tổ chức xét điều chỉnh thu nhập cho nhân viên. Chính sách điều chỉnh thu nhập đột xuất được thực hiện đối với nhân viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc khi nhân viên được bổ nhiệm vào vị trí công việc mới.
- Thu nhập cuối năm (thưởng): dựa vào mục tiêu hoạt động kinh doanh hàng năm và định hướng phát triển mang tính lâu dài, công ty xác định mục tiêu bộ phận, chỉ tiêu năng suất và nhiệm vụ của từng người lao động để làm cơ sở tính thưởng. Điểm nổi bật trong chính sách thưởng chính là tặng quyền chọn mua cổ phiếu cho nhân viên ưu tú và quản lý xuất sắc. Chính sách này gắn kết trách nhiệm và tâm huyết người lao động với sự nghiệp của công ty trên cơ sở trao quyền đồng sở hữu.

Chính sách phụ cấp - phúc lợi:

Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách theo Luật Lao động:

- Thực hiện các hình thức phúc lợi bổ sung như bảo hiểm tai nạn 24h và khám sức khỏe định kỳ.
- Các hình thức đãi ngộ phi vật chất khác giúp xây dựng và định hình nét văn hóa riêng đặc sắc của công ty Toàn Cầu như: Team Building, tiệc Tất Niên,...

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Cơ cấu tổ chức của công ty ngày càng tinh gọn hơn, duy trì đội ngũ nhân lực giỏi và tận tâm, góp phần cho sự phát triển ổn định của công ty mẹ và các công ty thành viên. Ban giám đốc luôn xây dựng và không ngừng hoàn thiện các chính sách của công ty để tạo ra một môi trường làm việc ổn định, lành mạnh, góp phần mang lại hiệu quả cao cho công ty.

Quản trị rủi ro

Trong năm 2023 vừa qua, nền kinh tế nền kinh tế vẫn còn rất nhiều khó khăn. Để giảm thiểu tối đa các rủi ro, GLT vẫn tiếp tục duy trì thực hiện các biện pháp quản trị để ứng phó với tình hình thực tế.

Rủi ro từ thị trường

Tên rủi ro	Nội dung	Biện pháp quản trị
Rủi ro về tăng trưởng kinh tế	Từ năm 2021, tác động từ thế giới, nền kinh tế Việt Nam hết sức khó khăn. Tái cơ cấu tổ chức với tốc độ chậm gây ra nhiều rủi ro đối với triển vọng tăng trưởng trung hạn của nền kinh tế, các khoản nợ dự phòng và nợ xấu liên quan tới ngân hàng và các doanh nghiệp nhà nước vẫn còn nhiều, giải quyết chưa triệt để.	<ul style="list-style-type: none">Nắm bắt các chính sách ưu đãi của nhà nước trong lĩnh vực điện, điện tử, tự động, công nghệ thông tin.Hợp tác, tiếp cận, học hỏi nhiều hơn trong quá trình cọ xát với thị trường công nghệ thế giới.
Rủi ro môi trường kinh doanh	Việc không nhanh chóng thích nghi với những thay đổi về kinh tế, chính sách và xã hội toàn cầu dẫn tới những ảnh hưởng bất ngờ cho công ty trong việc thực hiện các kế hoạch kinh doanh.	<ul style="list-style-type: none">Thường xuyên cập nhật các thay đổi môi trường kinh tế, chính sách, đánh giá và phân tích các ảnh hưởng đến Công ty. Từ đó có các kế hoạch hành động kịp thời.
Rủi ro cạnh tranh	Rủi ro trong việc mất lợi thế cạnh tranh, khi mức độ tăng trưởng của ngành giảm và khi nhiều đối thủ cạnh tranh ngày càng cải tiến sự khác biệt của họ.	<ul style="list-style-type: none">Đưa ra chiến lược cung cấp dịch vụ toàn diện, phù hợp với nhu cầu thực tiễn của khách hàng, từng bước nâng cao vị thế trong chuỗi giá trị dịch vụ công nghệ thông tin.Tăng cường đào tạo đội ngũ nhân viên năng động, sáng tạo để cải thiện chất lượng dịch vụ và sản phẩm.Liên tục tối ưu hoá hệ thống quy trình vận hành và chi phí.
Rủi ro về lãi suất	Hoạt động kinh doanh, đầu tư của doanh nghiệp dựa phần lớn vào nguồn vốn của khoản vay tín dụng, nên việc quan tâm đến yếu tố lãi suất là hoàn toàn hợp lý.	<ul style="list-style-type: none">Theo dõi sự thay đổi về chính sách lãi vay của ngân hàng đối với doanh nghiệp.
Rủi ro từ biến động tỷ giá	Những biến động trong tỷ giá hối đoái gây ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động và lợi nhuận của doanh nghiệp.	<ul style="list-style-type: none">Lập nhu cầu ngoại tệ, chuẩn bị ngoại tệ dự trữ, và dự báo theo dõi.Phân tích các biến động tỷ giá để cân đối nhu cầu và điều chỉnh kế hoạch tương ứng.
Rủi ro về lạm phát	So với năm trước chỉ số lạm phát đang năm nay đang ở mức cao, sự suy thoái kinh tế đã và đang diễn ra tại một số quốc gia.	<ul style="list-style-type: none">Thường xuyên cập nhật tình hình về lạm phát.Kiểm soát và quản lý nguồn tiền chặt chẽ.Đẩy mạnh thu hồi công nợ, sử dụng hiệu quả các nguồn trích quỹ. Kiểm soát chi phí hoạt động để tìm cách cắt giảm, tiết kiệm và tăng cường hiệu quả.

Quản trị rủi ro

Rủi ro hoạt động

Tên rủi ro	Nội Dung	Biện pháp quản trị
Rủi ro triển khai kế hoạch kinh doanh	Thất bại trong việc triển khai các kế hoạch kinh doanh, đánh giá thông qua việc quản lý danh mục đầu tư và dự án cụ thể.	<ul style="list-style-type: none">Theo dõi, giám sát thường xuyên tình hình thực hiện về tiến độ, ngân sách. Trường hợp dự án báo cáo định kỳ và có hướng ứng phó phù hợp với thay đổi.
Rủi ro hàng hóa không đáp ứng kịp thời	Nguy cơ không đủ thiết bị, vật tư lắp đặt cho dự án.	<ul style="list-style-type: none">Quản lý hàng tồn kho an toàn, đánh giá và quản lý nhà cung cấp, có kế hoạch mua hàng hợp lý.
Rủi ro mất khách hàng	Mất các mối quan hệ với khách hàng quan trọng, dẫn đến mất doanh thu.	<ul style="list-style-type: none">Theo dõi mối quan hệ với khách hàng, thường xuyên đánh giá doanh thu bán hàng và có các chính sách tương ứng đối với khách hàng quan trọng.
Rủi ro về nhân lực	Nguồn nhân lực đóng vai trò quan trọng và then chốt tạo nên thành công, đột phá cho doanh nghiệp. Rủi ro đối với quản trị nhân lực, đó là sự biến động nguồn nhân lực.	<ul style="list-style-type: none">Xây dựng mô hình phát triển nguồn nhân lực để nâng cao trình độ và hiệu suất làm việc.Xây dựng các chính sách về nhân sự, đảm bảo người lao động nhận được mức đãi ngộ tương xứng với năng lực và trình độ, tạo nên sự gắn bó lâu dài.

Rủi ro về luật định

Tên rủi ro	Nội Dung	Biện pháp quản trị
Rủi ro về luật pháp	Tất cả các doanh nghiệp đều hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, mọi hành vi pháp lý của doanh nghiệp luôn đảm bảo triển khai đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, những khác biệt trong hệ thống luật pháp ở các quốc gia khác nhau cũng là một nguyên nhân, rào cản để hạn chế việc tiếp cận thị trường khác của các doanh nghiệp trong nước.	<ul style="list-style-type: none">Liên tục nghiên cứu và cập nhật các chính sách định hướng lớn của chính phủ.Tuân thủ luật pháp cũng như môi trường văn hoá kinh doanh của các thị trường có liên quan.Xây dựng một bộ phận pháp lý hoàn toàn có thể hỗ trợ khi chính sách pháp luật thay đổi để kịp thời ứng phó.

Rủi ro về an ninh mạng

Tên rủi ro	Nội Dung	Biện pháp quản trị
Rủi ro bảo mật thông tin và rủi ro an ninh mạng	Thông tin là một trong những tài sản quan trọng, quý giá đối với tổ chức doanh nghiệp. Việc thông tin bị lộ ra bên ngoài ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động, uy tín, chiến lược của công ty.	<ul style="list-style-type: none">Áp dụng triệt để các biện pháp chống thất thoát dữ liệu và an toàn hệ thống nhằm đảm bảo an ninh thông tin của Công ty.

05

**BÁO CÁO
PHÁT TRIỂN
BỀN VỮNG**

TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI NỀN KINH TẾ



Đóng góp vào sự phát triển kinh tế quốc gia

Sự phát triển của GLT góp phần tạo nên sự phát triển cho ngành khoa học công nghệ nói riêng và kinh tế toàn Việt Nam nói chung. GLT cung cấp những sản phẩm dịch vụ nâng cao hiệu suất, độ chính xác và tiết kiệm thời gian, chi phí cho khách hàng. Đặc biệt lĩnh vực Trung tâm dữ liệu đang trong thời kỳ bùng nổ và được thúc đẩy bởi nhu cầu ngày càng tăng từ các nền kinh tế số.

Nâng cao chất lượng cuộc sống người Việt

Với các dự án trải dài trên toàn lãnh thổ Việt Nam, GLT đã tạo ra nhiều cơ hội việc làm cùng với những chính sách hỗ trợ người dân, đóng góp vào phát triển kinh tế và chất lượng sống của hàng ngàn hộ gia đình.

TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG



Giảm thiểu xả thải và tiêu thụ năng lượng

Khoa học công nghệ phát triển đóng vai trò tích cực trong việc bảo vệ môi trường, là nền tảng phát triển bền vững kinh tế, xã hội. Nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực trong quá trình sản xuất kinh doanh, GLT cung cấp dịch vụ lắp đặt năng lượng điện mặt trời cho nhiều khách hàng, góp phần không nhỏ trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

TÁC ĐỘNG TỚI PHÁT TRIỂN XÃ HỘI

Chung tay vì một cộng đồng phát triển lành mạnh

GLT luôn chú trọng vào phát triển xã hội – con người một cách lành mạnh, an toàn và giàu giá trị để kiến tạo sự phát triển kinh doanh bền vững lâu dài. Cụ thể, GLT luôn tạo công ăn việc làm cho nhiều người, bảo vệ sức khỏe cho người lao động trước tác động của đại dịch và đóng góp vào các quỹ an sinh xã hội, tạo hiệu ứng lan tỏa trên khắp cộng đồng.



05

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc vào 31/3/2024

Công ty cổ phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu (Thành lập tại nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

Mục Lục

1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 – 03
2. Báo cáo của Kiểm toán độc lập	04
3. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	05 – 43
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 – 06
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	07
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08 – 09
7. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 – 43

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301446863 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 29 tháng 06 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 1 Đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này gồm:

	Thành viên HĐQT	Chức vụ	
1	Ông Nguyễn Vĩnh Thuận	Chủ tịch HĐQT	Bỏ nhiệm ngày 30/06/2022
2	Ông Lâm Thiếu Quân	Thành viên HĐQT	Chủ tịch HĐQT đến hết ngày 30/06/2022
3	Ông Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên HĐQT	Tái nhiệm ngày 22/06/2022
4	Bà Doãn Thị Bích Ngọc	Thành viên HĐQT	Bỏ nhiệm ngày 22/06/2022
5	Ông Mai Tuấn Tú	Thành viên độc lập	Bỏ nhiệm ngày 22/06/2022

	Thành viên Ban Tổng Giám đốc	Chức vụ	
1	Ông Nguyễn Hữu Dũng	Tổng Giám đốc	
2	Bà Nguyễn Hương Giang	Giám đốc điều hành	Bỏ nhiệm ngày 24/08/2022
3	Ông Nguyễn Ngọc Duy	Giám đốc kinh doanh	Bỏ nhiệm ngày 01/06/2023

	Thành viên Ban Kiểm soát	Chức vụ	
1	Bà Đỗ Thị Thu Hà	Trưởng ban	Tái nhiệm ngày 22/06/2022
2	Bà Cao Mỹ Phương	Thành viên	Tái nhiệm ngày 22/06/2022
3	Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 22/06/2022

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với BCTC hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn; Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/03/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Hữu Dũng

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 5 năm 2024

Báo cáo kiểm toán độc lập

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu được lập ngày 29 tháng 05 năm 2024, từ trang 05 đến trang 43, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 03 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất..

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu tại ngày 31 tháng 03 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, Ngày 29 tháng 05 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/03/2024	01/04/2023
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		160.724.129.905	244.218.231.608
110	L. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	37.766.288.545	24.609.549.816
111	1. Tiền		7.701.288.545	17.109.549.816
112	2. Các khoản tương đương tiền		30.065.000.000	7.500.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	63.245.000.000	34.945.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		63.245.000.000	34.945.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		37.310.721.255	173.086.033.351
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	19.623.502.503	138.496.701.423
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	6.292.303.863	2.054.631.551
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	13.060.000.000	30.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	1.536.600.664	5.629.254.674
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(3.201.685.775)	(3.094.554.297)
140	IV. Hàng tồn kho	10	19.236.008.078	11.358.210.677
141	1. Hàng tồn kho		24.649.615.301	17.175.364.156
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(5.413.607.223)	(5.817.153.479)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.166.112.027	219.437.764
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	35.823.605	218.157.764
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		3.130.288.422	1.280.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		24.835.375.351	23.164.911.515
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		30.000.000	95.440.000
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	-	60.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	30.000.000	35.440.000
220	II. Tài sản cố định		24.166.138.768	22.573.560.477
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	23.648.418.518	22.386.675.157
222	- Nguyên giá		29.786.318.742	27.355.805.898
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.137.900.224)	(4.969.130.741)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	517.720.250	186.885.320
228	- Nguyên giá		749.035.000	321.673.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(231.314.750)	(134.787.680)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	11	17.000.000	215.977.200
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		17.000.000	215.977.200
260	VI. Tài sản dài hạn khác		622.236.583	279.933.838
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	555.166.583	206.678.837
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	35.a	67.070.000	73.255.001
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		185.559.505.256	267.383.143.123

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/03/2024	01/04/2023
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		31.786.296.721	119.133.001.348
310	I. Nợ ngắn hạn		31.360.682.721	116.135.425.921
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	10.224.540.198	45.090.901.704
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	8.295.088.444	2.520.422.724
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	1.108.233.886	5.598.616.220
314	4. Phải trả người lao động		3.193.400.189	2.345.480.519
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	3.999.443.294	48.729.754.748
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	31.500.000	156.500.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	824.558.168	1.436.458.602
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	-	6.400.000.000
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	22	2.398.858.332	1.651.814.400
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.285.060.210	2.205.477.004
330	II. Nợ dài hạn		425.614.000	2.997.575.427
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	90.264.000	-
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	22	335.350.000	1.591.445.000
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	1.406.130.427
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		153.773.208.535	148.250.141.775
410	I. Vốn chủ sở hữu	23	153.773.208.535	148.250.141.775
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		104.560.920.000	100.495.280.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		104.560.920.000	100.495.280.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		6.083.358.132	6.083.358.132
415	3. Cổ phiếu quỹ		(23.249.795.357)	(23.249.795.357)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		-	11.005.778.000
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		53.892.013.108	42.406.525.258
421a	LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		48.736.832.258	38.276.608.949
421b	LNST chưa phân phối năm nay		5.155.180.850	4.129.916.309
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		12.486.712.652	11.508.995.742
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		185.559.505.256	267.383.143.123

Khuu Thanh Sáng
Người lập

Mai Ngọc Phương
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Dũng
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 05 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ ngày 01/04/2023 đến ngày 31/03/2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/04/2023 đến	Từ 01/04/2022 đến
			31/03/2024	31/03/2023
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25	83.251.715.373	645.698.608.558
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	26	-	18.562.500
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		83.251.715.373	645.680.046.058
11	4. Giá vốn hàng bán	27	50.136.253.520	586.985.608.983
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		33.115.461.853	58.694.437.075
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	28	6.611.156.270	6.395.301.744
22	7. Chi phí tài chính	29	797.350.437	961.428.890
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		107.889.932	713.232.365
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	30	18.040.254.200	13.867.548.576
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	13.246.828.963	17.064.877.897
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.642.184.523	33.195.883.456
31	12. Thu nhập khác	32	333.440.674	18.092.019
32	13. Chi phí khác	33	67.531.184	837.893.713
40	14. Lợi nhuận khác		265.909.490	(819.801.694)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		7.908.094.013	32.376.081.762
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	34	1.714.179.830	6.141.196.262
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	35.b	6.185.001	453.721.293
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>6.187.729.182</u>	<u>25.781.164.207</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		5.200.565.194	22.731.883.190
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		987.163.988	3.049.281.017
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	36	554	2.465

Khuu Thanh Sáng
Người lập

Mai Ngọc Phượng
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Dũng
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 05 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Từ ngày 01/04/2023 đến ngày 31/03/2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/04/2023 đến	Từ 01/04/2022 đến
			31/03/2024	31/03/2023
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		7.908.094.013	32.376.081.762
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		2.611.046.981	2.187.315.148
03	- Các khoản dự phòng		(692.666.968)	981.469.857
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		28.900.999	(53.845.295)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(6.782.025.561)	(5.994.436.048)
06	- Chi phí lãi vay		107.889.932	713.232.365
07	- Các khoản điều chỉnh khác		(380.565.521)	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		2.800.673.875	30.209.817.789
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		115.073.381.440	25.315.522.469
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(7.587.050.023)	13.876.316.565
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(74.812.793.043)	8.608.246.663
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(166.153.587)	(117.585.205)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(227.054.338)	(603.706.104)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.456.954.944)	(14.546.459.328)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.422.993.122)	(2.300.683.288)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		28.201.056.258	60.441.469.561
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(4.004.648.072)	(11.805.999.951)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		325.454.545	93.116.364
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(39.300.000.000)	(56.305.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		28.000.000.000	45.905.000.000
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	554.159.600
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		6.987.801.772	5.067.256.545
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(7.991.391.755)	(16.491.467.442)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Từ ngày 01/04/2023 đến ngày 31/03/2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/04/2023 đến	Từ 01/04/2022 đến
			31/03/2024	31/03/2023
			VND	VND
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		4.065.640.000	-
33	2. Tiền thu từ đi vay		-	37.894.740.996
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(6.400.000.000)	(61.695.469.822)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(4.718.706.925)	(32.667.730.390)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(7.053.066.925)</i>	<i>(56.468.459.216)</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		13.156.597.578	(12.518.457.097)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		24.609.549.816	37.135.160.060
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		141.151	(7.153.147)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>37.766.288.545</u>	<u>24.609.549.816</u>

Khuu Thanh Sáng
Người lập

Mai Ngọc Phương
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Dũng
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 05 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01/04/2023 đến ngày 31/03/2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301446863 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ hai mươi một ngày 29 tháng 06 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 1 Đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 104.560.920.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 03 năm 2024 là 104.560.920.000 VND; tương đương 10.456.092 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2024 là: 71 người (tại ngày 31 tháng 03 năm 2023 là: 87 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, lắp đặt thiết bị dịch vụ viễn thông; cho thuê văn phòng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Mua bán thiết bị điện, điện tử, thiết bị chống sét. Mua bán thiết bị phòng cháy, chữa cháy; thiết bị chống trộm, kiểm tra, bảo vệ, an ninh, an toàn; camera quan sát, thiết bị chiếu sáng, thiết bị điện lạnh, thiết bị điều khiển, thiết bị tự động trong công nghiệp và dân dụng;
- Tư vấn, cung cấp, lắp đặt các giải pháp về trung tâm dữ liệu, thông tin. Tư vấn giải pháp về tiết kiệm năng lượng. Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình. Thiết kế phòng cháy chữa cháy công trình dân dụng và công nghiệp. Lập dự án đầu tư xây dựng công trình. Lập dự toán và tổng dự toán công trình.
- Mua bán thiết bị điện, máy phát điện, máy móc, phụ tùng, thiết bị chế biến gỗ, biến thế điện, máy biến đổi điện tĩnh, pin, ac quy điện, bộ chỉnh lưu, bộ nguồn cấp điện liên tục UPS, thiết bị điện để đóng ngắt mạch - bảo vệ mạch điện, thiết bị giám điện trở đất, thiết bị hàn hóa nhiệt, khuôn, các loại máy đo - kiểm tra, dụng cụ hàn hóa chất các loại, thiết bị y tế - phòng thí nghiệm - phòng nghiên cứu, máy móc - thiết bị kỹ thuật công nghệ ngành dầu khí, trang thiết bị dạy học. Bán buôn máy móc, thiết bị sản xuất năng lượng được khai thác từ năng lượng sạch (gió, mặt trời, địa nhiệt, nước, sinh khối) và các nguồn năng lượng tái tạo khác;
- Lắp đặt máy móc, thiết bị sử dụng năng lượng được khai thác từ năng lượng sạch (gió, mặt trời, địa nhiệt, nước, sinh khối) và các nguồn năng lượng tái tạo khác;
- Sản xuất và lắp ráp thiết bị phân phối, điều khiển trung thế và hạ thế từ 35KV trở xuống (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Nghiên cứu chế tạo, sản xuất accu điện, bộ nguồn cấp điện liên tục UPS (không hoạt động tại trụ sở);
- Nghiên cứu chế tạo, sản xuất, lắp ráp thiết bị chống sét, thiết bị điện, điện tử; sản xuất thiết bị cho phòng thí nghiệm, xử lý môi trường (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Sản xuất sản phẩm tiết kiệm năng lượng (không hoạt động tại trụ sở);

- Sản xuất điện; phân phối điện; xây dựng công trình điện;
- Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc; xây dựng công trình công ích khác; xây dựng dân dụng, công nghiệp. Xây lắp trạm và đường dây trung thế, hạ thế từ 35KV trở xuống. Xây dựng giao thông, thủy lợi (trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và quản lý lưới điện phân phối, thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân). Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Lắp đặt hệ thống điện; lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí; lắp đặt hệ thống xây dựng khác; hoàn thiện công trình xây dựng; mua bán thiết bị tin học, phần mềm, máy in, máy tính;
- Đại lý cung cấp dịch vụ Internet; sản xuất phần mềm tin học; xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, mặt bằng, kho bãi. Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Cho thuê thiết bị viễn thông, thiết bị điện, nhà, cột ăng ten, hệ thống điện, hệ thống chiếu sáng, hệ thống tiếp đất, hệ thống cảnh báo ngoài trời, điều hòa không khí, ổn áp, máy phát điện dự phòng, máy hạ áp. Cho thuê nổi hơi.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Doanh thu năm nay giảm 562,43 tỷ VND (tương ứng tỷ lệ giảm 87,11%) và giá vốn năm nay giảm 536,85 tỷ VND (tương ứng tỷ lệ giảm 91,46%) so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu là do năm trước Công ty có doanh thu từ việc thực hiện dự án của VNG với giá trị là 573 tỷ VND.

Hiện nay, Công ty vẫn tiếp tục duy trì hoạt động cung cấp hàng hóa, dịch vụ đối với các khách hàng truyền thống đã có và mở rộng tìm kiếm thêm các khách hàng mới.

Cấu trúc Tập đoàn

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/03/2024 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần In No (*)	TP. Hồ Chí Minh	99,96%	99,96%	Buôn bán thiết bị linh kiện điện tử, viễn thông
Công ty TNHH Global - Sitem	TP. Hồ Chí Minh	63,75%	63,75%	Sản xuất phần mềm tin học

(*) Công ty chỉ có duy nhất hoạt động cho vay vốn đối với Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu (Công ty mẹ).

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/04 năm trước và kết thúc vào ngày 31/03 năm sau.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích của những chủ sở hữu không nắm quyền kiểm soát trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm: đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được Công ty căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.13 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm;
- Chi phí sửa chữa được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm;
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng.

2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.16 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.17 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở đang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.18 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, trích trước chi phí thực hiện hợp đồng... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.19 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng bảo hành công trình, sản phẩm hàng hóa được trích lập theo tỷ lệ không quá 5% doanh thu dựa trên đặc điểm của từng công trình, sản phẩm hàng hóa và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về thời gian và chi phí bảo hành thực tế.

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Công ty từ 12 tháng trở lên ("nhân viên đủ điều kiện") tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc năm tài chính. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

2.20 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về dịch vụ bảo trì.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.21 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty mua lại trước ngày hiệu lực của Luật chứng khoán 2019 (ngày 01 tháng 01 năm 2021) nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 01 tháng 01 năm 2021 sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.22 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.23 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là hàng bán bị trả lại.

Khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.24 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.25 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.26 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành/ hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai (do việc hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2024, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.27 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.28 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.29 . Thông tin bộ phận

Công ty chỉ chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh, lắp đặt thiết bị điện, điện tử, viễn thông do đó Công ty không lập báo cáo theo lĩnh vực hoạt động. Bên cạnh đó Công ty chỉ hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận chia theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/03/2024	01/04/2023
	VND	VND
Tiền mặt	220.031.199	386.564.944
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.481.257.346	16.722.984.872
Các khoản tương đương tiền (*)	30.065.000.000	7.500.000.000
	<u>37.766.288.545</u>	<u>24.609.549.816</u>

(*) Tại ngày 31/03/2024, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng có giá trị 30.065.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 2,2%/năm đến 2,9%/năm.

Tại ngày 31/03/2024, các khoản tương đương tiền có giá trị 65.000.000 VND đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/03/2024		01/04/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	63.245.000.000	-	34.945.000.000	-
	<u>63.245.000.000</u>	<u>-</u>	<u>34.945.000.000</u>	<u>-</u>

(*) Tại ngày 31/03/2024, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng có giá trị 63.245.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,6%/năm đến 5,2%/năm.

Tại ngày 31/03/2024, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có giá trị 8.050.000.000 VND đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản cấp tín dụng từ ngân hàng và khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có giá trị 195.000.000 VND đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/03/2024		01/04/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	5.532.066.410	-	31.939.725	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	1.912.799.398	-	31.939.725	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	3.619.267.012	-	-	-
Bên khác	14.091.436.093	(3.201.685.775)	138.464.761.698	(3.094.554.297)
Trung tâm Mạng lưới Mobifone Miền Nam - Chi nhánh Tổng Công ty Viễn thông Mobifone	3.702.278.760	-	878.208.500	-
Star Telecom Co., Ltd	1.410.610.370	-	768.042.988	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật STG	1.150.321.648	-	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng An Phong	1.014.891.991	-	119.217.365.196	-
Công ty TNHH Công nghệ mạng Sao Kim	7.137.000	-	5.089.347.359	-
Phải thu khách hàng khác	6.806.196.324	(3.201.685.775)	12.511.797.655	(3.094.554.297)
	<u>19.623.502.503</u>	<u>(3.201.685.775)</u>	<u>138.496.701.423</u>	<u>(3.094.554.297)</u>

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/03/2024		01/04/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sản xuất Thương mại Tấn Dũng	5.005.055.400	-	-	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Tích hợp Sao Nam	1.033.527.600	-	-	-
Công ty TNHH Kỹ thuật Thy An	-	-	970.648.251	-
Trả trước cho người bán khác	253.720.863	-	1.083.983.300	-
	<u>6.292.303.863</u>	<u>-</u>	<u>2.054.631.551</u>	<u>-</u>



7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY

	01/04/2023		Trong năm tài chính		31/03/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Tăng	Giảm	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn						
<i>Bên liên quan</i>						
Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong ⁽¹⁾	30.000.000.000	-	-	17.000.000.000	13.000.000.000	-
<i>Bên khác</i>						
Công ty TNHH Công nghệ Mạng Sao Kim ⁽²⁾	-	-	60.000.000	-	60.000.000	-
	30.000.000.000	-	60.000.000	17.000.000.000	13.060.000.000	-
b) Dài hạn						
Công ty TNHH Công nghệ Mạng Sao Kim	60.000.000	-	-	60.000.000	-	-
	60.000.000	-	-	60.000.000	-	-

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay ngắn hạn:

(1) Số dư cho Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong vay tại ngày 31/03/2024 bao gồm các hợp đồng:

1.1 Hợp đồng cho vay số 26042022-01/GLT-ITD ngày 26/04/2022 và Phụ lục hợp đồng vay tiền số 29122023-01/GLT-ITD-PL ngày 29/12/2023, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 16.000.000.000 VND;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- + Thời hạn của hợp đồng: 02 năm;
- + Lãi suất cho vay: 9,00%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 3.000.000.000 VND;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

1.2 Hợp đồng tín dụng số 26072022-01/GLT-ITD ngày 07/07/2022 và Phụ lục hợp đồng vay tiền số 29122023-01/GLT-ITD-PL ngày 29/12/2023, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 15.000.000.000 VND;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- + Thời hạn của hợp đồng: 02 năm;
- + Lãi suất cho vay: 9,00%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 10.000.000.000 VND;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

(2) Hợp đồng cho vay tiền số 01.2023/GSC-VENTECH ngày 24/03/2023, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức cho vay: 60.000.000 VND;
- + Mục đích vay: Vay bổ sung vốn kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: từ ngày 24/03/2023 đến ngày 23/03/2025;
- + Lãi suất cho vay: 2,5%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 60.000.000 VND;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

8. PHẢI THU KHÁC

	31/03/2024		01/04/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	589.529.492	-	1.120.760.248	-
Tạm ứng	536.521.983	-	1.430.773.230	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	36.740.689	-
Phải thu Công ty TNHH Công nghiệp Phú Thái chi phí back charge	-	-	3.000.000.000	-
Phải thu khác	410.549.189	-	40.980.507	-
	1.536.600.664	-	5.629.254.674	-

	31/03/2024		01/04/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	30.000.000	-	35.440.000	-
	<u>30.000.000</u>	<u>-</u>	<u>35.440.000</u>	<u>-</u>
c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan				
Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	-	-	757.534.247	-
	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>757.534.247</u>	<u>-</u>

9 . NỢ XẤU

	31/03/2024		01/04/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Máy tính Hoàn Long	2.728.216.314	-	2.728.216.314	-
- Công ty Cổ phần Deltech	654.909.626	594.418.663	654.909.626	654.909.626
- Các khoản khác	419.619.012	6.640.514	366.337.983	-
	<u>3.802.744.952</u>	<u>601.059.177</u>	<u>3.749.463.923</u>	<u>654.909.626</u>

10 . HÀNG TỒN KHO

	31/03/2024		01/04/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	1.461.949.607	-	736.054.638	-
Nguyên liệu, vật liệu	2.599.431.486	(1.553.807.095)	2.592.457.547	(1.249.176.462)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	9.504.756.323	(177.900.909)	4.522.677.499	(112.798.878)
Thành phẩm	85.336.518	(13.018.120)	120.788.156	-
Hàng hoá	10.998.141.367	(3.668.881.099)	9.203.386.316	(4.455.178.139)
	<u>24.649.615.301</u>	<u>(5.413.607.223)</u>	<u>17.175.364.156</u>	<u>(5.817.153.479)</u>

(*) Chi tiết Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

	31/03/2024	01/04/2023
	VND	VND
- Dự án lắp đặt Hệ thống điều hoà chính xác Stulz và Cool IT	6.377.933.596	1.408.679.877
- Dự án lắp đặt Hệ thống chống sét tại chân công trình Trạm thông tin Bà Quẹo	-	1.274.430.963
- Dự án Trang bị Cắt lọc sét cho dự án PTM năm 2022 - Đợt 2	-	609.633.380
- Các dự án khác	3.126.822.727	1.229.933.279
	<u>9.504.756.323</u>	<u>4.522.677.499</u>

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/03/2024	01/04/2023
	VND	VND
- Dự án phần mềm kế toán	-	215.977.200
- Dự án khác	17.000.000	-
	<u>17.000.000</u>	<u>215.977.200</u>

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	233.238.338	23.209.592.616	3.679.409.091	233.565.853	27.355.805.898
- Mua trong năm	-	319.336.000	-	75.627.272	394.963.272
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	3.381.300.000	-	-	3.381.300.000
- Thanh lý, nhượng bán	(94.132.098)	-	(1.187.122.727)	(64.495.603)	(1.345.750.428)
Số dư cuối năm	139.106.240	26.910.228.616	2.492.286.364	244.697.522	29.786.318.742
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	233.238.338	2.750.433.007	1.792.683.628	192.775.768	4.969.130.741
- Khấu hao trong năm	-	2.041.634.281	415.381.068	57.504.562	2.514.519.911
- Thanh lý, nhượng bán	(94.132.098)	-	(1.187.122.727)	(64.495.603)	(1.345.750.428)
Số dư cuối năm	139.106.240	4.792.067.288	1.020.941.969	185.784.727	6.137.900.224
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	-	20.459.159.609	1.886.725.463	40.790.085	22.386.675.157
Tại ngày cuối năm	-	22.118.161.328	1.471.344.395	58.912.795	23.648.418.518

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản cấp tín dụng: 591.784.217 VND;
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 305.042.076 VND.

13 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính với nguyên giá tại ngày 31/03/2024 là 749.035.000 VND (trong đó, nguyên giá tăng trong năm là 427.362.000 VND) và giá trị hao mòn lũy kế tại ngày 31/03/2024 là 231.314.750 VND; chi phí khấu hao phát sinh trong năm là 96.527.070 VND; Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 109.688.000 VND.

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/03/2024	01/04/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	35.823.605	121.915.954
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	96.241.810
	35.823.605	218.157.764
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	192.020.710	203.477.163
Phần mềm máy tính	-	3.201.674
Chi phí sửa chữa	363.145.873	-
	555.166.583	206.678.837

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/03/2024		01/04/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	3.674.382.753	3.674.382.753	443.851.681	443.851.681
Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	-	-	443.851.681	443.851.681
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiên	3.674.382.753	3.674.382.753	-	-
Bên khác	6.550.157.445	6.550.157.445	44.647.050.023	44.647.050.023
Erico Products Australia Pty Ltd	2.091.590.326	2.091.590.326	418.933.642	418.933.642
Công ty TNHH MTV Xây dựng Thương mại Tất Hữu	684.720.000	684.720.000	-	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Green Mark	631.471.099	631.471.099	4.629.003.311	4.629.003.311
Công ty Cổ phần Dịch vụ Mạng Vi Na	191.891.491	191.891.491	8.724.209.328	8.724.209.328
Công ty TNHH Công nghiệp Phú Thái	-	-	12.166.666.666	12.166.666.666
Phải trả các đối tượng khác	2.950.484.529	2.950.484.529	18.708.237.076	18.708.237.076
	10.224.540.198	10.224.540.198	45.090.901.704	45.090.901.704

16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/03/2024	01/04/2023
	VND	VND
Bệnh viện Trung ương Quân đội 108	5.218.265.000	-
Tổng Công ty Mạng lưới Viettel	1.350.572.124	-
Công ty Cổ phần Ứng dụng và Phát triển Công nghệ Thông tin	710.186.730	-
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	-	296.552.410
Công ty TNHH Cà Phê Ngon	-	263.598.720
Movitel, S.A	-	824.240.653
Người mua trả tiền trước khác	1.016.064.590	1.136.030.941
	8.295.088.444	2.520.422.724

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	1.455.409.723	2.917.714.801	4.373.124.524	-	-
Thuế Tiêu thụ đặc biệt	-	-	760.624.747	760.624.747	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	1.064.598.563	1.064.598.563	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	3.713.454.279	1.714.179.830	4.456.954.944	-	970.679.165
Thuế Thu nhập cá nhân	-	429.752.218	810.415.067	1.102.612.564	-	137.554.721
Các loại thuế khác	-	-	65.752.793	65.752.793	-	-
	-	5.598.616.220	7.333.285.801	11.823.668.135	-	1.108.233.886

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/03/2024	01/04/2023
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	-	49.402.740
- Trích trước chi phí thực hiện hợp đồng	3.812.062.179	48.574.612.036
- Chi phí phải trả khác	187.381.115	105.739.972
	<u>3.999.443.294</u>	<u>48.729.754.748</u>
Trong đó: Chi phí phải trả với các bên liên quan		
- Ông Nguyễn Hữu Tiến	-	49.402.740
	<u>-</u>	<u>49.402.740</u>

19 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	31/03/2024	01/04/2023
	VND	VND
Doanh thu nhận trước về dịch vụ bảo trì	31.500.000	156.500.000
	<u>31.500.000</u>	<u>156.500.000</u>

20 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/03/2024	01/04/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	52.605.575	95.321.500
- Phải trả lãi vay	-	69.761.666
- Phải trả về Thủ lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Thư ký	106.500.000	108.300.000
- Phải trả quỹ Khen thưởng phúc lợi	180.637.000	688.888.826
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	484.815.593	474.186.610
	<u>824.558.168</u>	<u>1.436.458.602</u>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	90.264.000	-
	<u>90.264.000</u>	<u>-</u>
c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan		
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	180.637.000	688.888.826
- Ông Nguyễn Hữu Dũng	-	24.018.160
- Ông Nguyễn Hữu Tiến	16.326.000	8.130.001
- Phải trả về Thủ lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	100.500.000	102.300.000
	<u>297.463.000</u>	<u>823.336.987</u>

21 . CÁC KHOẢN VAY NGÁN HẠN

	01/04/2023		Trong năm		31/03/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Nguyễn Ngọc Duy	1.800.000.000	1.800.000.000	-	1.800.000.000	-	-
- Nguyễn Hữu Tiến	4.600.000.000	4.600.000.000	-	4.600.000.000	-	-
	6.400.000.000	6.400.000.000	-	6.400.000.000	-	-

Các khoản vay đối với các bên liên quan

	Mối quan hệ	01/04/2023		31/03/2024	
		Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
		VND	VND	VND	VND
- Nguyễn Ngọc Duy	Giám đốc kinh doanh	1.800.000.000	-	-	-
- Nguyễn Hữu Tiến	Anh trai Tổng Giám đốc	4.600.000.000	49.402.740	-	-
		6.400.000.000	49.402.740	-	-

22 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	31/03/2024	01/04/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	1.173.688.332	1.651.814.400
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	1.225.170.000	-
	<u>2.398.858.332</u>	<u>1.651.814.400</u>
b) Dài hạn		
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	-	1.225.170.000
- Dự phòng trợ cấp thôi việc	335.350.000	366.275.000
	<u>335.350.000</u>	<u>1.591.445.000</u>

23 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	92.364.460.000	6.083.358.132	(23.249.795.357)	9.515.624.897	64.188.914.707	8.602.969.775	157.505.532.154
Tăng vốn trong năm trước	8.130.820.000	-	-	-	(8.130.820.000)	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	22.731.883.190	3.049.281.017	25.781.164.207
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2021	-	-	-	-	(16.262.592.000)	-	(16.262.592.000)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2022	-	-	-	-	(16.262.592.000)	(900.000)	(16.263.492.000)
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	1.490.153.103	(1.490.153.103)	-	-
Chi thù lao HĐQT bổ sung	-	-	-	-	(1.591.000.000)	-	(1.591.000.000)
Tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(680.137.914)	(87.210.912)	(767.348.826)
Giảm do nộp bổ sung theo biên bản kiểm tra thuế	-	-	-	-	(96.977.622)	(55.144.138)	(152.121.760)
Số dư cuối năm trước	100.495.280.000	6.083.358.132	(23.249.795.357)	11.005.778.000	42.406.525.258	11.508.995.742	148.250.141.775
Số dư đầu năm nay	100.495.280.000	6.083.358.132	(23.249.795.357)	11.005.778.000	42.406.525.258	11.508.995.742	148.250.141.775
Tăng vốn trong năm nay ⁽¹⁾	4.065.640.000	-	-	-	-	-	4.065.640.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	5.200.565.194	987.163.988	6.187.729.182
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước ⁽²⁾	-	-	-	-	(4.675.471.000)	-	(4.675.471.000)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước tại Công ty con	-	-	-	-	-	(321.783)	(321.783)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm nay tại Công ty con	-	-	-	-	-	(198.217)	(198.217)
Hoàn nhập Quỹ đầu tư phát triển vào Lợi nhuận sau thuế ⁽³⁾	-	-	-	(11.005.778.000)	11.005.778.000	-	-
Tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi ⁽⁴⁾	-	-	-	-	(45.384.344)	(8.927.078)	(54.311.422)
Số dư cuối năm nay	104.560.920.000	6.083.358.132	(23.249.795.357)	-	53.892.013.108	12.486.712.652	153.773.208.535

(1) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/DHĐCĐ/GLT ngày 22/06/2022, Đại hội đồng cổ đông đã quyết nghị thông qua phương án tăng vốn điều lệ từ việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty (ESOP). Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 001/2023/NQ-HĐQT-CBTT ngày 13/02/2023 về việc triển khai thực hiện phương án tăng vốn điều lệ năm 2022 và Công văn số 02/2023-BC ngày 09/06/2023 về việc báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty:

- Số lượng cổ phiếu đã phát hành thêm: 406.564 cổ phiếu;
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu;
- Giá phát hành: 10.000 VND/cổ phiếu;
- Tỷ lệ phát hành: 05% số lượng cổ phiếu đang lưu hành trước thời điểm phát hành;
- Đối tượng được phân phối:
 - + Lãnh đạo và quản lý của Công ty và Công ty con;
 - + Nhân viên Công ty và Công ty con;
 - + Nhân viên tiềm năng;
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng: trong vòng 02 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành;
- Ngày phát hành hoàn thành: 26/05/2023;
- Phương án sử dụng nguồn vốn: Bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

(2) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 02/2023-DHĐCĐ ngày 27/06/2023, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

	Phân phối Lợi nhuận sau thuế	Trong đó: đã tạm trích trong năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp dùng để phân phối	22.809.939.000	
Trích Quỹ đầu tư phát triển	1.345.109.000	1.345.109.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	526.767.000	526.767.000
Chia cổ tức (25% mệnh giá)	20.938.063.000	20.938.063.000

(3) Công ty thực hiện hoàn nhập số dư Quỹ đầu tư phát triển vào Lợi nhuận chưa phân phối trong năm tài chính 2023 với tổng giá trị 11.005.778.000 VND. Trong đó:

- Thực hiện hoàn nhập số dư Quỹ đầu tư phát triển vào Lợi nhuận chưa phân phối trong năm tài chính 2023 tại Công ty mẹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 02/2023-DHĐCĐ ngày 27/06/2023;
- Thực hiện hoàn nhập số dư Quỹ đầu tư phát triển vào Lợi nhuận chưa phân phối trong năm tài chính 2023 tại Công ty TNHH Global - Sitem theo Nghị quyết của Đại hội đồng Thành viên thường niên kỳ 2-2023 ngày 01/07/2023.

(4) Trong năm, Công ty đã thực hiện tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023. Trong đó:

- Tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi tại Công ty mẹ theo Quyết định của Hội đồng quản trị ngày 31/03/2024 với số tạm trích là 29.685.000 VND;
- Tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi tại Công ty TNHH Global - Sitem theo Quyết định của Hội đồng Thành viên ngày 31/03/2024 với số tạm trích là 24.626.422 VND.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	43,13	45.101.180.000	44,88	45.101.180.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Tánh Linh	9,50	9.934.100.000	9,89	9.934.100.000
Các cổ đông khác	36,80	38.474.140.000	34,24	34.408.500.000
Cổ phiếu quỹ	10,57	11.051.500.000	11,00	11.051.500.000
	100	104.560.920.000	100	100.495.280.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Từ 01/04/2023 đến 31/03/2024	Từ 01/04/2022 đến 31/03/2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	100.495.280.000	92.364.460.000
- Vốn góp tăng trong năm	4.065.640.000	8.130.820.000
- Vốn góp cuối năm	<u>104.560.920.000</u>	<u>100.495.280.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	95.321.500	237.867.890
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	4.675.991.000	40.656.904.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	4.675.792.783	24.393.412.000
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	198.217	16.263.492.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(4.718.706.925)	(32.668.630.390)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(4.718.706.925)	(16.262.592.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	-	(16.406.038.390)
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng cổ phiếu	-	(8.130.820.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	-	(8.130.820.000)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	<u>52.605.575</u>	<u>95.321.500</u>
d) Cổ phiếu		
	31/03/2024	01/04/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.456.092	10.049.528
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	10.456.092	10.049.528
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
- Cổ phiếu phổ thông	1.105.150	1.105.150
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	9.350.942	8.944.378
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		
e) Các quỹ công ty		
	31/03/2024	01/04/2023
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	-	11.005.778.000
	<u>-</u>	<u>11.005.778.000</u>

24 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty thuê tài sản (thuê văn phòng, thuê nhà kho và thuê nhà xưởng) theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/03/2024, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/03/2024	01/04/2023
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	2.265.288.120	1.710.645.921
- Trên 1 năm đến 5 năm	2.908.468.440	-
	5.173.756.560	1.710.645.921

b) Ngoại tệ các loại

	31/03/2024	01/04/2023
- Đồng đô la Mỹ (USD)	224,26	12.205,87
- Đồng Euro (EUR)	-	3.249,04

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/03/2024	01/04/2023
	VND	VND
Công ty TNHH Hanel CSF - Cho vay, lãi vay	1.520.516.905	1.520.516.905
Công ty TNHH Hanel CSF - Phải thu tiền hàng	573.822.532	573.822.532
Các đối tượng khác	678.793.053	678.793.053
	2.773.132.490	2.773.132.490

25 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/04/2023 đến 31/03/2024	Từ 01/04/2022 đến 31/03/2023
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	65.950.031.771	631.737.413.727
Doanh thu bán thành phẩm	1.573.124.900	1.586.158.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.728.558.702	12.375.036.831
	83.251.715.373	645.698.608.558
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 41)	5.152.498.068	263.770.184

26 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Từ 01/04/2023 đến 31/03/2024	Từ 01/04/2022 đến 31/03/2023
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	-	18.562.500
	-	18.562.500

27 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/04/2023 đến 31/03/2024	Từ 01/04/2022 đến 31/03/2023
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	42.802.951.973	577.550.326.961
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.130.975.743	1.068.844.426
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.493.073.182	7.555.701.968
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) giảm giá hàng tồn kho	(290.747.378)	810.735.628
	50.136.253.520	586.985.608.983
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan		
Tổng giá trị mua vào:	8.423.917.706	6.290.740.369
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 41)</i>		

28 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/04/2023 đến 31/03/2024	Từ 01/04/2022 đến 31/03/2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	9.828.236	32.588.170
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	4.009.197.047	2.362.584.036
Lãi cho vay	2.364.052.054	3.043.229.112
Lãi bán các khoản đầu tư	-	554.159.600
Cổ tức, lợi nhuận được chia	73.493.679	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	154.585.254	340.182.843
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	62.557.983
	6.611.156.270	6.395.301.744
Trong đó: Doanh thu tài chính nhận từ các bên liên quan	2.362.547.945	3.035.342.467
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 41)</i>		

29 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/04/2023 đến 31/03/2024	Từ 01/04/2022 đến 31/03/2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	107.889.932	713.232.365
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	660.559.506	239.483.837
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	28.900.999	8.712.688
	797.350.437	961.428.890
Trong đó: Chi phí tài chính mua từ các bên liên quan	85.550.685	49.402.740
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 41)</i>		

30 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/04/2023 đến 31/03/2024	Từ 01/04/2022 đến 31/03/2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	308.383.994	338.201.978
Chi phí nhân công	12.662.702.028	10.684.481.821
Chi phí khấu hao tài sản cố định	49.841.477	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.427.694.032	2.594.928.550
Chi phí khác bằng tiền	876.131.004	867.824.388
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng bảo hành sản phẩm	715.501.665	(617.888.161)
	18.040.254.200	13.867.548.576

31 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/04/2023 đến 31/03/2024	Từ 01/04/2022 đến 31/03/2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	194.595.198	196.424.461
Chi phí nhân công	8.328.264.581	12.575.817.245
Chi phí khấu hao tài sản cố định	530.466.839	467.615.407
Thuế, phí, lệ phí	39.020.467	169.097.578
Chi phí dự phòng	107.131.478	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.968.517.910	2.987.550.068
Chi phí khác bằng tiền	1.078.832.490	668.373.138
	13.246.828.963	17.064.877.897

32 . THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/04/2023 đến 31/03/2024	Từ 01/04/2022 đến 31/03/2023
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	325.454.545	1.875.130
Tiền phạt thu được	-	8.080.404
Thu nhập khác	7.986.129	8.136.485
	333.440.674	18.092.019

33 . CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/04/2023 đến 31/03/2024	Từ 01/04/2022 đến 31/03/2023
	VND	VND
Chi phí bị phạt hợp đồng	-	137.532.175
Các khoản bị phạt	39.223.048	691.499.402
Chi phí khác	28.308.136	8.862.136
	67.531.184	837.893.713

34 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/04/2023 đến 31/03/2024	Từ 01/04/2022 đến 31/03/2023
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	796.404.407	3.988.515.797
Chi phí thuế TNDN hiện hành từ các công ty con	917.775.423	2.152.680.465
- Công ty TNHH Global - Sitem	716.842.426	2.152.680.465
- Công ty Cổ phần In No	200.932.997	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.714.179.830	6.141.196.262

35 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/03/2024	01/04/2023
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	67.070.000	73.255.001
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	67.070.000	73.255.001

b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Từ 01/04/2023 đến 31/03/2024	Từ 01/04/2022 đến 31/03/2023
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	6.185.001	466.638.500
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	(12.917.207)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	6.185.001	453.721.293

36 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/04/2023 đến 31/03/2024	Từ 01/04/2022 đến 31/03/2023
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	5.200.565.194	22.731.883.190
Các khoản điều chỉnh	(45.384.344)	(680.137.914)
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế	(45.384.344)	(680.137.914)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	5.155.180.850	22.051.745.276
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	9.298.588	8.944.378
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	554	2.465

Công ty tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2024 theo Quyết định của Hội đồng quản trị tại Công ty mẹ và Quyết định của Hội đồng Thành viên tại Công ty con ngày 31/03/2024.

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

37 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/04/2023 đến 31/03/2024	Từ 01/04/2022 đến 31/03/2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.344.281.813	2.980.596.330
Chi phí nhân công	21.892.021.342	25.343.628.165
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.611.046.981	2.187.315.148
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.109.733.919	71.832.076.307
Chi phí khác bằng tiền	3.079.597.100	1.305.271.959
	55.036.681.155	103.648.887.909

38 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/03/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.546.257.346	-	-	37.546.257.346
Phải thu khách hàng, phải thu khác	17.958.417.392	30.000.000	-	17.988.417.392
Các khoản cho vay	76.305.000.000	-	-	76.305.000.000
	131.809.674.738	30.000.000	-	131.839.674.738

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/04/2023				
Tiền và các khoản trương đương tiền	24.222.984.872	-	-	24.222.984.872
Phải thu khách hàng, phải thu khác	141.031.401.800	35.440.000	-	141.066.841.800
Các khoản cho vay	64.945.000.000	60.000.000	-	65.005.000.000
	230.199.386.672	95.440.000	-	230.294.826.672

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời hạn đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/03/2024				
Phải trả người bán, phải trả khác	11.049.098.366	90.264.000	-	11.139.362.366
Chi phí phải trả	3.999.443.294	-	-	3.999.443.294
	15.048.541.660	90.264.000	-	15.138.805.660

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/04/2023				
Vay và nợ	6.400.000.000	-	-	6.400.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	46.527.360.306	-	-	46.527.360.306
Chi phí phải trả	48.729.754.748	-	-	48.729.754.748
	101.657.115.054	-	-	101.657.115.054

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

39 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

	Từ 01/04/2023 đến 31/03/2024	Từ 01/04/2022 đến 31/03/2023
	VND	VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường:	-	37.894.740.996
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:	6.400.000.000	61.695.469.822

40 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

41 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Tiên Phong	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tính	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Tư vấn và Phát triển Phần mềm Larion	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Phần mềm Bestarion	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Công nghệ Gigarion	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Intelnet	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Nam Minh	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong	Công ty cùng tập đoàn (*)
Ông Nguyễn Hữu Tiến	Anh trai Tổng Giám đốc

(*) Công ty cùng tập đoàn đã giải thể trong năm nay.

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Từ 01/04/2023 đến 31/03/2024	Từ 01/04/2022 đến 31/03/2023
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.152.498.068	263.770.184
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	1.860.755.330	263.770.184
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	3.291.742.738	-

Giao dịch phát sinh trong năm (Tiếp theo):

	Từ 01/04/2023 đến 31/03/2024	Từ 01/04/2022 đến 31/03/2023
	VND	VND
Mua nguyên liệu, hàng hóa, dịch vụ	8.423.917.706	6.290.740.369
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	2.493.224.804	3.255.397.902
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	3.568.144.957	-
Doanh thu hoạt động tài chính	2.362.547.945	3.035.342.467
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	2.362.547.945	3.035.342.467
Chi phí tài chính	85.550.685	49.402.740
- Ông Nguyễn Hữu Tiến	85.550.685	49.402.740

Thu nhập của người quản lý chủ chốt:

	Chức vụ	Từ 01/04/2023 đến 31/03/2024	Từ 01/04/2022 đến 31/03/2023
		VND	VND
- Ông Nguyễn Vĩnh Thuận	Chủ tịch Hội đồng quản trị	74.100.000	68.700.000
- Ông Lâm Thiệu Quân	Thành viên Hội đồng quản trị	49.800.000	56.400.000
- Ông Mai Tuấn Tú	Thành viên Hội đồng quản trị	61.500.000	48.300.000
- Bà Doãn Thị Bích Ngọc	Thành viên Hội đồng quản trị	50.100.000	39.300.000
- Ông Quyền Huy Ánh	Thành viên Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm ngày 22/06/2022)	-	13.800.000
- Ông Nguyễn Hữu Dũng	Tổng giám đốc, Thành viên Hội đồng quản trị	918.659.000	951.314.000
- Bà Nguyễn Hương Giang	Giám đốc điều hành	773.688.000	915.000.000
- Ông Nguyễn Ngọc Duy	Giám đốc kinh doanh (Bỏ nhiệm ngày 01/06/2023)	217.350.000	-
- Ông Tạ Huy Phong	Giám đốc điều hành (Miễn nhiệm ngày 01/08/2022)	-	311.400.000
	Thành viên Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm ngày 22/06/2022)		
- Bà Đỗ Thị Thu Hà	Trưởng Ban kiểm soát	50.100.000	50.400.000
- Bà Cao Mỹ Phương	Thành viên Ban kiểm soát	32.100.000	32.400.000
- Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết	Thành viên Ban kiểm soát (Bỏ nhiệm ngày 22/06/2022)	30.900.000	38.250.000
	Thành viên Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm ngày 22/06/2022)		
- Bà Phan Thị Kim Anh	Thành viên Ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 22/06/2022)	-	7.350.000
- Bà Mai Ngọc Phương	Kế toán trưởng	440.800.000	504.400.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu
Số 1 Đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2024

42 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Khuu Thanh Sáng
Người lập

Mai Ngọc Phượng
Kế toán trưởng


Nguyễn Hữu Dũng
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 05 năm 2024



**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN HỮU DŨNG

THÔNG TIN LIÊN LẠC

Lầu 2, Tòa Nhà ITD, Số 1 Đường Sáng Tạo,
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM
Số điện thoại: 028 37701055